

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 104/UBND-NN&PTNT

Lục Nam, ngày 25 tháng 9 năm 2023

V/v xin ý kiến tham gia vào Báo cáo
kết quả xây dựng NTM đến năm 2023
trên địa bàn huyện Lục Nam

Kính gửi:

- UBMTTQ huyện;
- Các đoàn thể chính trị - xã hội huyện;
- Phòng Văn hóa - Thông tin;
- Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 17/3/2023 của UBND huyện về thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Lục Nam; trong đó năm 2023, huyện Lục Nam phấn đấu đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

Để đảm bảo thực hiện các nội dung, trình tự xét, công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ; UBND huyện đề nghị UBMTTQ, các đoàn thể chính trị- xã hội huyện, UBND các xã, thị trấn tham gia ý kiến vào bản dự thảo báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn huyện Lục Nam giai đoạn 2011- 2023 (Có bản dự thảo báo cáo gửi kèm).

Ý kiến tham gia của các đơn vị, UBND các xã, thị trấn gửi bản đầu đờ về UBND huyện qua Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện trực tiếp bằng văn bản và qua địa chỉ: phongnongnghiep_lucnam@bacgiang.gov.vn; thời gian trước ngày 11/10/2023 để tổng hợp và hoàn thiện báo cáo.

Phòng Văn hóa- TT huyện công khai bản dự thảo báo cáo trên Cổng thông tin điện tử của huyện; Trung tâm VH-TT và TT huyện tổ chức công khai dự thảo báo cáo trên hệ thống đài truyền thanh huyện trong vòng 15 ngày để xin ý kiến người dân trên địa bàn huyện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng NN và PTNT;
- LĐVP, CVNN;
- Lưu: VT, NNPTNT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Toán

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

Lục Nam, ngày tháng 9 năm 2023

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2023 trên địa bàn huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội huyện Lục Nam

1.1. Điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý: Lục Nam là một huyện miền núi của tỉnh Bắc Giang, được thành lập theo Nghị định số 24/NĐ-TTg ngày 21/01/1957 của Thủ tướng Chính phủ. Có diện tích tự nhiên 608,63 km² chiếm khoảng 15,7% diện tích của toàn tỉnh, đứng thứ 3/10 huyện, thành phố; Toàn huyện có 23 xã và 02 thị trấn (*thị trấn Đồi Ngô, thị trấn Phương Sơn*), với 282 thôn, tổ dân phố (*sau khi sắp xếp lại đơn vị hành chính*); hệ thống giao thông khá thuận lợi có Quốc lộ 31, QL 37 và tỉnh lộ 293, tỉnh lộ 295 chạy qua, kết hợp với tuyến đường sắt Kép – Hạ Long và tuyến đường sông Lục Nam, đây là điều kiện rất thuận lợi cho việc giao lưu buôn bán. Lục Nam có vị trí chiến lược trọng yếu, có đường giao thông lớn nối liền với các tỉnh trong vùng. Huyện có thuận lợi trong giao lưu văn hoá, kinh tế giữa các vùng miền núi và đồng bằng, là thời cơ để Lục Nam có những bước chuyển mình, bứt phá, tạo nên diện mạo mới của một huyện đang phát triển.

- Lục Nam cách thành phố Bắc Giang 27km và cách thủ đô Hà Nội 70km về phía Đông Bắc.

- Huyện có chiều dài từ Đông sang Tây là 70km và có chiều rộng từ Bắc tới Nam là 25km. Phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Lạng Sơn (huyện Hữu Lũng), phía Nam tiếp giáp với tỉnh Hải Dương (huyện Chí Linh) và tỉnh Quảng Ninh (huyện Đông Triều), phía Tây tiếp giáp huyện Lạng Giang và huyện Yên Dũng, phía Đông tiếp giáp với huyện Sơn Động, phía Đông Bắc tiếp giáp với huyện Lục Ngạn.

Địa hình: Địa hình huyện Lục Nam có 3 dãy núi tạo thành 3 vòng cung từ Đông Bắc đến Đông Nam: Phía Đông Bắc có dãy Bảo Đài gồm nhiều đồi núi thấp, đỉnh cao nhất là 284m. Phía Đông có vòng cung Yên tử, đỉnh cao nhất là 779m. Phía Đông Nam có dãy Huyền Đình gồm nhiều triền núi hình lượn sóng, đỉnh cao nhất là 615m. Đặc điểm trên tạo cho Huyện địa hình lòng chảo, nghiêng

dần về phía Tây Nam và địa hình được phân chia thành 3 vùng khác nhau: vùng núi, vùng trung du và vùng chiêm trũng.

Khí hậu: Khí hậu của Huyện chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ trung bình trong năm khoảng 23,9C°. Sự thay đổi nhiệt độ giữa các mùa trong năm khá lớn. Nhiệt độ cao nhất (tháng 6 và 7) đạt 39,1C°, thấp nhất (tháng 1 và 2) là 16,1C°. Chênh lệch giữa các tháng nóng nhất và lạnh nhất 13,1C°. Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối của huyện là 41,2C° và thấp nhất tuyệt đối là 3,5C°.

Điều kiện khí hậu của Lục Nam nhìn chung thuận lợi cho hệ sinh thái động thực vật phát triển đa dạng nói chung, trong đó có sản xuất nông lâm nghiệp. Độ ẩm và số giờ nắng trong năm phù hợp cho việc canh tác luân canh, tăng vụ. Tuy nhiên, lượng mưa phân bố không đều, mưa lớn thường tập trung vào các tháng 7 và tháng 8 gây ngập úng ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

Huyện Lục Nam có sông Lục Nam chảy qua, điểm khởi đầu vào huyện từ xã Trường Giang đến điểm ra cuối là xã Đan Hội dài 38km, lòng sông và tương đối bằng phẳng, mức nước thấp nhất vào mùa khô là 0,7m; biên độ dao động giữa mùa lũ và mùa khô lớn, trung bình trên dưới 7m.

Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.470mm, năm cao nhất là 1.734 mm, năm thấp nhất là 900mm và phân bố không đều theo các tháng trong năm. Mưa lớn thường tập trung vào các tháng 7 và 8, gây ngập úng cục bộ. Độ ẩm trung bình trong năm là 84%, cao nhất đạt 88% và thấp nhất đạt 80%.

Lục Nam là vùng có lượng mưa thấp, ít sương muối, mưa xuân đến muộn hơn, ẩm độ không khí không quá cao, lượng bức xạ nhiệt trung bình, đó là những yếu tố thuận lợi tạo điều kiện cho cây ăn quả (*nhất là vải thiều, na, nhãn,...*) đậu quả tốt hơn khi cây ra hoa thụ phấn.

1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Trong những năm qua, dù còn gặp không ít khó khăn, thách thức, song với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của các cấp uỷ đảng, chính quyền, sự nỗ lực của nhân dân trên địa bàn, huyện Lục Nam đã đạt được nhiều kết quả quan trọng và phát triển vững chắc trên các lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản nghiệp (năm 2011 cơ cấu kinh tế: công nghiệp- xây dựng chiếm 27,4%; nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 49,1%, dịch vụ chiếm 23,5%. Đến nay: công nghiệp- xây dựng chiếm 48,6%; nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 22%; dịch vụ chiếm 29,4%), thu ngân sách hàng năm vượt chỉ tiêu đề ra, lĩnh vực y tế, văn hoá, xã hội, giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển; công tác giảm nghèo, chính sách xã hội được thực hiện tốt, tỷ lệ hộ nghèo còn 4,14% (năm 2011 là 22,17%); công tác

xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đạt được những kết quả tích cực. Bộ máy chính quyền các cấp tiếp tục được đổi mới ngày càng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chất lượng hoạt động của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được nâng cao; khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố tăng cường.

Sau 13 năm triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Hạ tầng kinh tế - xã hội huyện được đầu tư; các lĩnh vực về phát triển văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường; an ninh, chính trị, trật tự xã hội tiếp tục được duy trì và có nhiều chuyển biến tích cực được nhân dân đồng tình, ủng hộ, hệ thống chính trị vững mạnh, diện mạo nông thôn được đổi mới rõ rệt. Bên cạnh đó được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh; sự hỗ trợ, hướng dẫn tích cực, hiệu quả của các Sở, ban, ngành tỉnh; sự quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân toàn huyện, chương trình xây dựng NTM của huyện đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: Đến nay, 23/23 xã đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao); huyện đạt 9/9 tiêu chí huyện NTM; 02 thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh, diện mạo nông thôn thay đổi rõ rệt, nhất là kết cấu hạ tầng kỹ thuật giao thông; kinh tế nông thôn phát triển khá với nhiều mô hình và hình thức tổ chức sản xuất tiên bộ, hiệu quả; các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục phát triển toàn diện; đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn được nâng cao, điều kiện sống được đảm bảo hơn, thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt 55,3 triệu đồng/người tăng hơn 3,37 lần so với 2011 (16,4 triệu đồng/người/năm). Người dân nông thôn ngày càng được hưởng thụ nhiều hơn các tiện ích, dịch vụ công và an ninh xã hội được chăm lo cuộc sống ngày càng tốt hơn; an ninh chính trị, trật tự xã hội đảm bảo; đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành ngày càng trưởng thành cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Thuận lợi

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới bắt đầu triển khai từ năm 2011, được triển khai thực hiện trong bối cảnh toàn Đảng, toàn quân, toàn dân cả nước đang ra sức thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp. Đảng và Nhà nước tiếp tục quan tâm đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn và đã có nhiều cơ chế, chính sách đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Trước khi triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện đã tập trung ưu tiên thực hiện các giải pháp phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, do đó một số xã đã huy động được nhiều nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội như điện, đường, trường, trạm, các thiết chế văn hóa...

Quá trình triển khai, thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, huyện luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy - HĐND - UBND tỉnh; sự hướng dẫn và hỗ trợ của các sở, ban, ngành Tỉnh Bắc Giang.

Tỉnh Bắc Giang có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông

nghiệp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông nông thôn tạo điều kiện quan trọng thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế có hiệu quả. Nông nghiệp, nông dân và nông thôn luôn được quan tâm đầu tư, sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng hàng hóa tập trung và bước đầu hình thành phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao.

Chương trình xây dựng nông thôn mới hợp lòng dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ và hưởng ứng cao.

3. Khó khăn

Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM là một chương trình lớn và toàn diện về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh vùng nông thôn với nhiều điểm mới và yêu cầu cao nên cán bộ đòi hỏi phải đổi mới nhận thức về cách làm, giai đoạn đầu cũng gặp phải khó khăn, trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân.

Khi bắt đầu triển khai thực hiện chương trình kinh tế - xã hội của huyện còn khó khăn, xuất phát điểm để xây dựng nông thôn mới của các xã thấp (bình quân đạt 7,56 tiêu chí/xã, thu nhập thấp đạt 16,4 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo còn cao chiếm 22,17%). Trong đó, một số tiêu chí như giao thông, thủy lợi tỷ lệ cứng hóa ở nhiều xã còn đạt tỷ lệ rất thấp so với quy định; hệ thống cơ sở vật chất văn hóa như: Nhà văn hóa - khu thể thao xã, thôn tại nhiều nơi còn chưa có hoặc chưa đảm bảo; cơ sở vật chất trường học còn thiếu thốn, chưa đạt chuẩn theo quy định...

Nguồn lực đầu tư cho xây dựng NTM lớn trong khi đó nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới còn hạn chế; nguồn thu của các xã còn khó khăn; thu nhập của một số hộ dân ở nông thôn còn thấp; bên cạnh đó, thời tiết diễn biến phức tạp, dịch tả lợn Châu Phi và dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến phát triển sản xuất, thu nhập của người dân, tác động đến việc huy động nội lực xây dựng NTM, vì vậy việc huy động nguồn đóng góp của nhân dân gặp khó khăn.

Đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM ở một số xã còn chưa tích cực, chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chương trình; trong quá trình thực hiện trải qua hai kỳ Đại hội Đảng bộ và HĐND các cấp, một số xã cũng như huyện có sự thay đổi lãnh đạo chủ chốt, thực hiện chủ trương sáp nhập địa giới hành chính ở xã nên cũng ảnh hưởng đến quá trình xây dựng NTM. Một bộ phận người dân chưa hiểu hết được mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng trong xây dựng nông thôn mới, có tư tưởng trông chờ ỷ lại vào đầu tư của Nhà nước.

Công nghiệp từng bước phát triển dẫn đến nhiều vấn đề phải quan tâm, giảm dần diện tích đất nông nghiệp, thu hút lực lượng lao động trẻ ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, bên cạnh đó huyện giáp ranh với 3 tỉnh (Lạng Sơn, Hải Dương, Quảng Ninh), nảy sinh các vấn đề về an ninh trật tự và môi trường nông thôn.

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Văn bản trung ương

** Giai đoạn 2011-2015*

Quyết định số 491/QĐ-TTg, ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Thông tư liên tịch số 26/TTLT-BNN & PTNT- BKHĐT- BTC, ngày 13/4/2011 của Liên bộ nông nghiệp và PTNT - Kế hoạch đầu tư - Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện quyết định số: 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ Tướng Chính Phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Thông tư số 54/2009/TT-BNN - PTNT ngày 21/8/2009 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới;

Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

** Giai đoạn 2016-2020*

Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 2540/QĐ-TTg, ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

** Giai đoạn 2021-2025*

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2025 của Quốc hội về Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và- Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025”;

Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

2. Văn bản của tỉnh

** Giai đoạn 2011-2015*

Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 09/12/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010-2020;

Nghị quyết số 145-NQ/TU ngày 14/7/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang đến năm 2020;

Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 16/9/2011 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 145-NQ/TU ngày 14/7/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang đến năm 2020;

** Giai đoạn 2016-2020*

Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh về việc quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh về việc quy định một số tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Các văn bản chỉ đạo của Ban chỉ đạo, các sở, ban, ngành cấp tỉnh về chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

** Giai đoạn 2021-2025*

Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Kế hoạch số 2831/KH- BCĐ ngày 21/6/2022 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia về Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;

Kế hoạch số 04/KH- BCĐ ngày 05/01/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang năm 2023;

Hướng dẫn số 1688/HD-SNN ngày 18/8/2022 của Sở Nông nghiệp về thực hiện tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021- 2025;

Các văn bản triển khai, hướng dẫn thực hiện của UBND tỉnh, các sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn công tác xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới.

III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

1. Công tác chỉ đạo điều hành

a. Về ban hành các văn bản, nghị quyết, chính sách thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới

Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 30/3/2011 của UBND huyện về triển khai thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010- 2020;

Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 04/4/2016 của UBND huyện về triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2015-2020;

Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 29/12/2016 của UBND huyện về dồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu giai đoạn 2017-2018.

Kế hoạch số 08-KH/HU ngày 11/12/2020 của Ban thường vụ Huyện ủy về triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa ứng dụng công nghệ cao; tập trung xây dựng và phát triển thương hiệu, hiệu quả, sức cạnh

tranh nhất là đối với các sản phẩm OCOP chủ lực. Huyện Lục Nam trở thành huyện nông thôn mới năm 2024;

Chỉ thị số 08-CT/HU ngày 14/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo huyện Lục Nam đạt chuẩn huyện nông thôn mới;

Nghị quyết số 145-NQ/HU ngày 05/9/2022 phân công nhiệm vụ các đồng chí Thường trực Huyện ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo các xã về đích nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, đô thị văn minh để huyện Lục Nam đạt chuẩn huyện nông thôn mới;

Kế hoạch số 94-KH/HU ngày 30/8/2022 của UBND huyện về tuyên truyền, vận động thực hiện xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh;

Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện về Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Lục Nam chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021- 2025;

Kế hoạch số 214/KH-BCĐ ngày 17/10/2022 của UBND huyện về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Lục Nam;

Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 21/10/2022 của UBND huyện về xây dựng các tuyến đường hoa, cây xanh tạo cảnh quan môi trường xây dựng huyện nông thôn mới;

Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/12/2022 của HĐND huyện về việc hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 17/3/2023 của UBND huyện về xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Lục Nam (viết tắt là Chương trình NTM) năm 2023;

Từ năm 2010 đến nay hàng năm UBND huyện, BCĐ đều ban hành kế hoạch thực hiện; đồng thời, ban hành các văn bản hướng dẫn chỉ đạo đến cơ sở.

b. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành

Xác định công tác lãnh đạo, chỉ đạo có ý nghĩa rất quan trọng, quyết định đến thành công trong công cuộc xây dựng nông thôn mới, nên ngay từ những năm đầu triển khai thực hiện và trong suốt quá trình xây dựng NTM đến nay, BCH Đảng bộ huyện, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đặc biệt quan tâm.

Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đã chủ động, kịp thời ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Chương trình, Kế hoạch để thực hiện Chương trình; kịp thời hoàn thiện hệ thống tổ chức để chỉ đạo, quản lý thực hiện như: Thành lập Ban Chỉ đạo, Văn phòng Điều phối NTM huyện, phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên BCĐ, cơ quan chuyên môn; thành lập Ban Quản lý xây dựng NTM cấp xã, Ban phát triển thôn, Ban giám sát cộng đồng.

c. Công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện

Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các Chủ trương, Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch về xây dựng NTM có vai trò hết sức quan trọng và được huyện xác định là giải pháp cơ bản để bảo đảm cho các Chủ trương, Nghị quyết được triển khai hiệu quả. Ban Thường vụ Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, BCĐ xây dựng NTM huyện thường xuyên xuống trực tiếp các xã, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình, qua đó kịp thời động viên các đơn vị làm tốt và chấn chỉnh, nhắc nhở các xã làm chưa tốt, bình quân tổ chức từ 6-7 cuộc làm việc tại các xã được giao đạt chuẩn trong năm kế hoạch. Đồng thời, chỉ đạo Văn phòng ĐPNTM huyện phối hợp các cơ quan chuyên môn thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các xã, đặc biệt các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn và năm kế hoạch tập trung cao thực hiện Chương trình theo kế hoạch đề ra.

d. Công tác thi đua khen thưởng

Sau 13 năm triển khai thực hiện chương trình, Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam đã kịp thời khen thưởng các cá nhân, tập thể có nhiều cống hiến, giải pháp sáng kiến trong quá trình triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới tạo động lực, khích lệ cán bộ, đảng viên và nhân dân tích cực chung sức xây dựng nông thôn mới.

Từ những kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là công tác dồn điền đổi thửa, làm đường giao thông nông thôn,... nhiều tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc được khen thưởng: Giai đoạn 2011-2020 có 01 tập thể được Chủ tịch nước tặng bằng khen, 01 tập thể được Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen; 15 tập thể, 21 cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen; 36 tập thể, 56 cá nhân được Ủy ban nhân dân huyện tặng giấy khen. Giai đoạn 2021-2023 có 12 tập thể và 44 cá nhân được UBND tỉnh tặng Bằng khen.

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

a. Công tác truyền thông

Huyện đã phát động phong trào thi đua “*Lục Nam chung sức xây dựng nông thôn mới*”; MTTQ huyện triển khai cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”; Hội Phụ nữ với phong trào “*5 không 3 sạch*”; Hội Nông dân với phong trào “*nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, phát triển kinh tế hộ gia đình*”; Đoàn thanh niên với phong trào “*Thanh niên chung tay xây dựng nông thôn mới*”, Liên đoàn lao động huyện với phong trào “*mái ấm công đoàn*” ... các phong trào đã thu hút hàng nghìn đoàn viên, hội viên trên địa bàn huyện tham.

Công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới đã được các địa phương chú trọng với những đổi mới về phương pháp, cách thức nhằm tạo chuyển biến về nhận thức và hành động của cán bộ, người dân về xây dựng nông thôn mới. Công thông tin điện tử huyện xây dựng 550 chuyên mục về nông thôn mới, hệ thống truyền thanh của huyện phát 36.784 tin bài; in, cấp phát 360 đĩa CD, in và treo 250 băng zôn tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới tại trung tâm của 25 xã, thị trấn và các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ. Ngoài ra Trung tâm Văn hoá-Thông tin và Thể thao huyện tổ chức 50 buổi tuyên truyền lưu động về công tác xây dựng NTM bằng xe ô tô tại 25 xã, thị trấn; kịp thời đưa tin những nơi làm tốt, những cách làm hay, sáng tạo để mọi người dân biết và làm theo.

Thông qua công tác tuyên truyền vận động, đã làm chuyển biến rõ nét về nhận thức, tư duy của người dân và cán bộ về xây dựng nông thôn mới, người dân đã nhận thức rõ hơn vai trò chủ thể của mình, từ đó chủ động tham gia thực hiện Chương trình (toàn huyện đã vận động người dân hiến trên 290.000 m² đất, trên 50 nghìn ngày công lao động, phá dỡ 13120 m² tường rào) để xây dựng công trình công cộng.

b. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

Xác định cán bộ là then chốt trong tổ chức thực hiện, huyện luôn chú trọng đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ các cấp. Từ năm 2011 đến nay, tổ chức 13 lớp tập huấn cho 1.170 đối tượng là cán bộ nông thôn mới cấp huyện, xã, bí thư, trưởng thôn và cán bộ MTTQ thôn; 13 hội nghị để quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo, kế hoạch về xây dựng nông thôn mới cho 1500 lượt cán bộ là thành viên Ban Chỉ đạo, thành viên Văn phòng NTM huyện, Chủ tịch, cán bộ đầu mối làm công tác xây dựng nông thôn mới xã; các xã tổ chức 230 hội nghị tập huấn nghiệp vụ và tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới cho 11.500 lượt người là thành viên Ban quản lý xã, Ban giám sát cộng đồng, bí thư, trưởng thôn, phó thôn, các ban ngành, đoàn thể của xã và thôn. Tổ chức thăm quan, học tập kinh nghiệm 05 cuộc tại các địa phương là điểm sáng trong xây dựng nông thôn mới như Quảng Ninh, Cao Bằng, Hà Giang, Hải Phòng.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Giai đoạn từ 2011-2023, sau 13 năm thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, tổng nguồn lực thực hiện chương trình là 1.605.913 triệu đồng (*giai đoạn 2011-2015 là 512.028,17 triệu đồng; giai đoạn 2016-2020 là 661.233, 512 triệu đồng; giai đoạn 2021-2023 là 432.615,318 triệu đồng*), cụ thể:

+ Ngân sách Trung ương: 282.271 triệu đồng chiếm 17,58%.

+ Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 530.210 triệu đồng chiếm 33,01%.

- Vốn lồng ghép từ các chương trình: 282.638 triệu đồng chiếm 23,83%.
- Vốn cộng đồng dân cư đóng góp và vốn khác: 410.794 triệu đồng chiếm 25,58%.

(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm)

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

1. Số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định

1.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 23 xã.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 23 xã, tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%, cụ thể:
 - + Giai đoạn 2010-2015 có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới gồm: Bảo Đài, Đông Hưng (xã Tiên Hưng đạt chuẩn, tuy nhiên đã sáp nhập vào thị trấn Đồi Ngô).
 - + Giai đoạn 2016-2020 có 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới gồm: Đông Phú, Bắc Lũng, Chu Điện, Khám Lạng, Bảo Sơn, Cẩm Lý, Lan Mẫu, Cương Sơn, Huyền Sơn, Tiên Nha (xã Phương Sơn đã đạt chuẩn NTM 2016, tuy nhiên năm 2022 đã lên thị trấn Phương Sơn).
 - + Giai đoạn 2021-2023 có 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới gồm: Nghĩa Phương, Thanh Lâm, Tam Dị, Đan Hội, Yên Sơn, Vũ Xá, Trường Sơn, Bình Sơn, Trường Giang, Vô Tranh, Lục Sơn.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là 03 xã gồm: Bảo Đài, Đông Phú đạt chuẩn năm 2021, xã Đông Hưng đạt chuẩn năm 2022. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 13,04%.

(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm)

1.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện: 02 thị trấn (thị trấn Đồi Ngô, thị trấn Phương Sơn).
 - Số thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh: 02 thị trấn.
- UBND huyện Lục Nam đã ban hành Quyết định số 7631/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 công nhận thị trấn Đồi Ngô và thị trấn Phương Sơn “Đạt chuẩn văn minh đô thị” theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24/01/2013 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch. Qua kiểm tra, đánh giá và đối chiếu với quy định tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh, 02 thị trấn đảm bảo đạt các tiêu chí “đô thị văn minh”.
- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: 100%.

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)

2. Kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Huyện Lục Nam đã có 23/23 xã (đạt tỷ lệ 100%) đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch

- Công tác lập quy hoạch được xác định là nội dung cần được triển khai trước để định hướng cho xây dựng nông thôn mới, do đó huyện đã tập trung chỉ đạo thực hiện. Đến cuối năm 2013, huyện đã phê duyệt đề án quy hoạch nông thôn mới cho 100% các xã. Sau khi đề án quy hoạch được phê duyệt các xã đã công bố, công khai, niêm yết bản đồ quy hoạch đúng quy định để nhân dân biết và thực hiện. Trên cơ sở đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt, huyện đã tập trung chỉ đạo các xã triển khai công tác lập Đề án xây dựng nông thôn mới, kết quả đến tháng 12/2014, 100% các xã hoàn thành phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới.

- Giai đoạn 2021-2025, UBND huyện đã chỉ đạo rà soát và triển khai điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó có quy hoạch khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

- *Tự đánh giá: 23/23 xã đạt tiêu chí số 01 về quy hoạch.*

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội nông thôn đã có những đổi thay vượt bậc, diện mạo nông thôn đổi mới, khang trang, sạch, đẹp hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân. Với sự vào cuộc đồng bộ của hệ thống chính trị cùng với sự tham gia của người dân, hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn huyện đã có chuyển biến tích cực được thể hiện qua các mặt sau:

2.2.1. Về giao thông

Giai đoạn từ 2011 đến nay, huyện đã tập trung huy động được trên 1229,9 tỷ đồng để cứng hóa, cải tạo, nâng cấp thêm được 560,42km đường so với năm 2011. Đến nay, tổng số km đường được cứng hóa bê tông, nhựa hóa là 1.356,92/1.749,55km đạt 77,56% (tăng 33,6% so với năm 2011, chỉ riêng trong giai đoạn 2017-2019 thực hiện theo Nghị quyết số 06 và 07/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về cơ chế hỗ trợ xi măng cùng với chính sách hỗ trợ thêm cát sỏi của huyện, toàn huyện thực hiện được 455,33km). Các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện được các xã duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo các phương tiện đi lại thuận lợi.

- *Đường trục xã, liên xã*: Toàn huyện đã cứng hoá được 179.854/179.854km, đạt 100%; nền đường rộng tối thiểu từ 6- 6,5m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5- 6m, đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

- *Đường trục thôn, liên thôn*: Toàn huyện đã thực hiện cứng hoá được 638,7/683,7km, đạt 93,4%; nền đường rộng tối thiểu 4-5m, mặt đường rộng tối thiểu 3,0-3,5m, đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

- *Đường ngõ, xóm*: Toàn huyện đã cứng hoá được 357,35/440,64km, đạt 81,1%; các tuyến đường ngõ, xóm nền đường rộng tối thiểu 4-5m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m; các tuyến đảm bảo thoát nước không gây ô nhiễm môi trường, không lầy lội vào mùa mưa, phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

- *Đường trục chính nội đồng*: Toàn huyện đã cứng hóa bằng bê tông được 181,05/445,34 km, đạt 40,65%; các tuyến còn lại mặt đường đã lu lèn bằng cấp phối đá dăm, đất cấp III trở lên đảm bảo cho xe cơ giới vận chuyển hàng hoá thuận tiện.

Tự đánh giá: 23/23 xã đạt tiêu chí số 02 về giao thông.

2.2.2. Về thủy lợi

- Hệ thống thủy lợi của các xã được thiết kế và xây dựng phù hợp với quy hoạch hệ thống thủy lợi chung của huyện, các công trình thủy lợi trên địa bàn đều đáp ứng yêu cầu, chủ động phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai. Các tuyến kênh trục chính, kênh cấp 1, cấp 2 do Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Lục Nam quản lý, thực hiện việc duy tu, cải tạo, nâng cấp định kỳ theo quy định phục vụ điều tiết nước và phòng chống thiên tai. Các tuyến kênh cấp 3 do Ủy ban nhân dân xã, thị trấn quản lý, hàng năm được tổ chức nạo vét, dọn cỏ, vớt bèo khơi thông dòng chảy... Trên địa bàn các xã có tổng 238 ao, hồ, đập nhỏ dưới 500.000m³ nước không được phép san lấp, để phục vụ nhu cầu tưới, tiêu; 136 trạm bơm với 163 máy bơm điện; 623 công trình kênh mương với tổng chiều dài 605,9km, đã cứng hoá 311,53km, đạt 48,59%. Tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động là 27.704,83ha/29.177,9ha, đạt 94,16%; diện tích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp được tiêu chủ động là 29.510,43/30.590,15ha, đạt 95,68%.

- 23/23 xã trên địa bàn huyện đã thành lập Ban Chỉ huy PCTT&TKCN theo quy định tại Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều. Hàng năm, Ủy ban nhân dân các xã đều tổ chức kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phù hợp với điều kiện của từng xã.

- 100% cán bộ xã trực tiếp tham gia công tác PCTT&TKCN của các xã được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ. Hằng năm, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự huyện tổ chức diễn tập PCTT&TKCN, diễn tập PCCCR. Đồng thời, UBND huyện và các xã tổ chức hội nghị tổng kết, rút kinh nghiệm trong chỉ đạo công tác PCTT-TKCN, ứng phó với sự cố thiên tai trong năm trước và triển khai kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm trong năm. Xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn các xã, thị trấn. Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phân bổ kế hoạch, chuẩn bị vật tư, nhân lực, phương tiện, dụng cụ phục vụ PCTT-TKCN cho các thôn, tổ dân phố.

- Cơ sở hạ tầng thiết yếu của các xã đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai bão lụt. 100% hộ dân trên địa bàn huyện đều có thiết bị nghe nhìn để tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai, bão lũ theo dự báo và khuyến cáo của các cơ quan chức năng. Các địa phương đã làm tốt công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các vụ vi phạm về đê điều, công trình thủy lợi. Đến nay, 100% các xã đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

Tự đánh giá: 23/23 xã đạt tiêu chí số 03 về thủy lợi và phòng chống thiên tai.

2.2.3. Về điện

Hệ thống các trạm biến áp phân phối, đường dây trung áp, đường dây hạ áp, công tơ đo đếm phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn 23 xã được đầu tư đồng bộ, gồm: 977,658km đường dây hạ thế; 350 TBA với tổng công suất 75.135kVA và lắp đặt được 60.127 Công tơ điện cho khách hàng sử dụng điện (*Trong đó, công tơ 03 pha là 4.746 công tơ; công tơ 01 pha là 55.381 công tơ*) đảm bảo đạt chuẩn theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Tổng số hộ đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn trên địa bàn 23 xã: 52.857/52.857 hộ, đạt tỷ lệ 100%.

Tự đánh giá: 23/23 xã đạt tiêu chí số 04 về điện.

2.2.4. Về trường học

- Hệ thống trường, lớp các xã - thị trấn được phân bố hợp lý, thuận lợi cho việc học tập. Toàn huyện có 83 trường, trong đó có 27 trường mầm non, 26 trường tiểu học, 24 trường THCS, 01 trường DTNT và 05 trường THCS. Đối với 23 xã xây dựng nông thôn mới có 73 trường (gồm: 24 trường Mầm non, 23 trường Tiểu học, 21 trường Trung học cơ sở và 5 trường TH&THCS). Hệ thống cơ sở vật chất khang trang, rộng rãi, hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu nuôi dưỡng, giáo dục, dạy học. Giai đoạn 2011 đến nay, huyện đã thực hiện xây dựng và sửa chữa hơn 430 phòng học, phòng chức năng..., đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học của các trường đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân. cụ thể:

Đến nay, toàn huyện có 70/33 trường, đạt tỷ lệ 95,9% (*trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở*) thuộc 23 xã có CSVC và thiết bị dạy học đạt chuẩn theo quy định (*tăng 05 trường so với 2015 và 37 trường so với 2011*). Trong đó 23 xã có tỷ lệ các trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 01 đều trên 50%, đạt yêu cầu tiêu chí.

Tự đánh giá: 23/23 xã đạt tiêu chí số 05 về trường học.

2.2.5. Về cơ sở vật chất văn hóa

Giai đoạn 2011-2023, huyện xây mới 19 nhà văn hoá xã, cải tạo nâng cấp 02 nhà văn hoá xã; xây mới, cải tạo sửa chữa 223 nhà văn hoá thôn.

- Năm 2011, toàn huyện có 09/25 xã có nhà văn hóa, Trung tâm văn hóa và sân thể thao đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 36%. Trong quá trình triển khai xây dựng nông thôn mới đã tiếp tục đầu tư xây dựng, sửa chữa 12 nhà văn hóa, trung tâm văn hóa xã; trang bị đầy đủ các trang thiết bị đáp ứng hoạt động văn hoá. Đến nay, 23/23 xã có nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, khu thể thao đạt chuẩn theo quy định, đảm bảo phục vụ tổ chức các sự kiện lớn và hoạt động sinh hoạt văn hóa, thể thao của người dân. 23/23 xã có điểm vui chơi, giải trí được lắp đặt dụng cụ thể thao phục vụ cho người dân, trẻ em và người cao tuổi.

- Toàn huyện, có 282/282 thôn, TDP có nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao, sân thể thao đảm bảo tiêu chuẩn, đáp ứng phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

- Cùng với việc đầu tư trung tâm văn hoá thể thao, nhà văn hoá các xã, xóm; huyện đã tích cực đẩy mạnh xã hội hoá xây dựng cơ sở vật chất văn hoá, thể thao. Đến nay, đã có 637 công trình thể dục thể thao (*352 sân bóng chuyền, 123 sân cầu lông, 115 sân bóng đá, 47 bể bơi*) và nhiều công trình thể thao chuyên môn khác tại các thôn, TDP, tại các xã trên địa bàn huyện được trang bị dụng cụ thể dục thể thao cơ bản, cần thiết, duy trì hoạt động thường xuyên, phục vụ tốt nhu cầu rèn luyện thể thao, nâng cao sức khoẻ của nhân dân; 47 bể bơi do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng đáp ứng nhu cầu rèn luyện thể dục, thể thao, phòng chống đuối nước cho trẻ em; ngoài ra còn có các điểm vui chơi trẻ em được bố trí tại 86 điểm trường trên địa bàn huyện.

Tự đánh giá: 23/23 xã đạt tiêu chí số 06 về cơ sở vật chất văn hoá.

2.2.6. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Trên địa bàn huyện có 17 chợ (*bao gồm cả thị trấn Đồi Ngô và thị trấn Phương Sơn*), trong đó 03 chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2 (*chợ Thanh Xuân-TT Đồi Ngô, chợ Sần-TT Phương Sơn và chợ Tam Dị-xã Tam Dị*), còn lại là chợ hạng 3 đều là các chợ truyền thống họp theo phiên tại 9 xã (*Lan Mẫu, Trường Sơn, Bình Sơn, Bảo Sơn, Đan Hội, Vũ Xá, Vô Tranh, Cẩm Lý, Nghĩa Phương*) các chợ đều có ban quản lý tổ chức điều hành các hoạt động, đảm bảo vệ sinh môi trường, an ninh trật tự góp phần vào thúc đẩy kinh tế xã hội của địa phương. Đối 13 xã Thanh Lâm, Bảo Đài, Tiên Nha, Trường Giang, Đông Hưng, Đông Phú, Chu điện, Yên

Son, Huyền Sơn, Lục Sơn, Cương Sơn, Bắc Lũng, Khám Lạng không có chợ nhưng đã có điểm kinh doanh, các cửa hàng kinh doanh tổng hợp có diện tích kinh doanh tối thiểu từ 50m² trở lên và có nơi để xe với quy mô phù hợp, danh mục hàng hoá đảm bảo từ 200 mặt hàng trở lên phục vụ nhân dân đủ điều kiện theo quy định tại Quyết định 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ Công thương về việc hướng dẫn và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Tự đánh giá: 23/23 xã đạt tiêu chí số 07 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

2.2.7. Về Thông tin và Truyền thông

- Toàn huyện có 25 điểm bưu điện văn hóa xã, 03 bưu cục. Các điểm đều bố trí thùng thư công cộng đảm bảo công tác gửi nhận thư, bưu phẩm. 100% các điểm phục vụ bưu chính đều được xây dựng ở vị trí phù hợp, được trang bị các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của nhân dân đại phương: gửi nhận bưu phẩm, bưu kiện, chuyển phát nhanh, phát hành báo...

- Dịch vụ viễn thông, internet: Các xã đều được cung cấp dịch vụ internet và phủ sóng mạng 3G, 4G đến 282/282 thôn, TDP và cung cấp đường truyền internet đến hộ gia đình có nhu cầu. Chất lượng dịch vụ truy cập Internet đáp ứng tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy cập Internet ADSL (Mã số QCVN 34:2011/BTTTT).

- Hệ thống Đài Phát thanh, truyền thanh trên địa bàn huyện thường xuyên được đầu tư cải tạo, nâng cấp, sửa chữa. 23/23 xã trong huyện có Đài truyền thanh và có hệ thống loa truyền thanh đến các thôn đảm bảo các hộ dân nghe được các thông tin tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương, tin tức thời sự của tỉnh, Trung ương... Hệ thống Đài truyền thanh xã được bố trí phòng riêng, có máy phát, máy ghi âm, bộ điều khiển mixer phục vụ cho việc tiếp âm, tiếp sóng và thực hiện các chương trình phát thanh của địa phương đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

- 100% số xã ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và điều hành. Các xã đều trang bị các máy tính có kết nối Internet phục vụ cho cán bộ, công chức làm việc và khai thác thông tin trên môi trường mạng. Tỷ lệ máy vi tính/cán bộ cấp xã đạt 01 cán bộ, công chức/01 máy tính có kết nối Internet (100%).

- Các xã đều sử dụng, khai thác Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, ứng dụng chữ ký số, phần mềm Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến. 100% các xã đã sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ trong việc gửi, nhận văn bản; 100% tài liệu, văn bản theo quy định (*trừ văn bản mật*) được trao đổi dưới dạng điện tử. UBND các xã, thị trấn sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc; 100% văn bản đi, đến được lưu trữ điện tử; tỷ

lệ văn bản được gửi nhận qua hòm thư điện tử giữa các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ văn bản ban hành ứng dụng ký số đạt 99,8%, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được cấp tài khoản phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc đạt 100%.

- Hệ thống thông tin một cửa điện tử liên thông trong các cơ quan nhà nước đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định hiện hành; 100% UBND các xã, thị trấn sử dụng phần mềm Một cửa điện tử dùng chung; 100% hồ sơ được giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử; 99,98% hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn.

- Báo cáo số liệu thống kê hồ sơ trực tuyến qua cổng dịch vụ công tỉnh Bắc Giang, từ ngày 15/12/2022 đến nay: 23/23 xã có tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt từ 84% trở lên. Trong thời gian tới, UBND huyện tiếp tục chỉ đạo các xã đẩy mạnh thực hiện việc giải quyết hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đạt chỉ tiêu theo quy định.

Tự đánh giá: 23/23 xã đạt tiêu chí số 08 về thông tin và truyền thông.

2.2.8. Về nhà ở dân cư

- Trong những năm qua, huyện Lục Nam đã vận động và thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các chương trình về xây dựng nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, xây dựng nhà ở chính sách, kêu gọi sự ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm để giúp đỡ các hộ nghèo, người có công với cách mạng trong việc xóa nhà tạm, nhà dột nát; phát động sâu rộng trong toàn dân liên quan việc tổ chức chỉnh trang nhà cửa; cải tạo nâng cấp các công trình nhà ở, đi kèm các công trình phụ trợ để vừa đảm bảo theo quy định của Bộ Xây dựng, vừa đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng. Kết quả từ năm 2011 đến nay, toàn huyện đã triển khai xây dựng được 363 nhà ở từ các chương trình cho các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Hiện tại, trên địa bàn huyện không còn nhà tạm, nhà dột nát.

- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến nay là 51.841 hộ/53.469, đạt 96,96%.

Tự đánh giá: 23/23 xã đạt tiêu chí số 09 về nhà ở dân cư.

2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo

Xác định phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, liên kết theo chuỗi giá trị sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, thực hiện dồn điền đổi thửa gắn với chỉnh trang đồng ruộng, xây dựng cánh đồng mẫu lớn, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng năng suất và giá trị để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp là yếu tố cốt lõi góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững cho người dân. Do đó, những năm qua huyện Lục Nam luôn quan tâm tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển với nhiều ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, từ đó tạo việc làm, thu hút nhiều lao động tham gia, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước tạo nguồn lực quan trọng cho huyện

đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thúc đẩy kinh tế, văn hóa-xã hội phát triển; tập trung khai thác mọi tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các ngành kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng ngành Nông nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng ngành Công nghiệp - Xây dựng, Thương mại - Dịch vụ. Cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

2.3.2. Về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản

- Huyện đã tập trung triển khai các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh công tác tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập, giảm hộ nghèo trong nông thôn. Trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã đã chú trọng quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung. Huyện đã tập trung cao trong công tác dồn điền đổi thửa gắn với chỉnh trang đồng ruộng (với diện tích dồn đổi 2.115,52ha), tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, bên cạnh việc đầu tư cơ sở hạ tầng cho các vùng sản xuất như đầu tư cho hệ thống công trình thủy lợi, đường nội đồng, hàng năm huyện đã bố trí kinh phí trên 02 tỷ đồng để hỗ trợ cho nông dân mua sắm máy móc, thiết bị để thực hiện cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ giá giống, phân bón cho các mô hình giống cây trồng mới, có năng suất giá trị cao hơn để khảo nghiệm đánh giá và nhân rộng trên địa bàn huyện. Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất góp phần nâng cao chất lượng và giá trị, đưa sản xuất trồng trọt phát triển toàn diện đạt nhiều thành tựu mới.

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa có chất lượng và sức cạnh tranh, tăng giá trị sản phẩm và phát triển thương hiệu, huyện đã tổ chức triển khai tập trung đẩy mạnh sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị trên cây lúa, Vải, Na, Dứa, Nhãn, Rau, con lợn, con gà là các ngành hàng chủ lực của huyện. Trong sản xuất, xác định sản xuất theo hướng an toàn, nâng cao giá trị gắn với xây dựng thương hiệu cho sản phẩm chủ lực của địa phương, huyện chỉ đạo tổ chức tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, xây dựng các mô hình khuyến nông áp dụng các quy trình sản xuất an toàn, chứng nhận VietGAP, góp phần nâng cao năng suất và thu nhập của người dân từ sản xuất nông nghiệp. Kết quả đến nay, phát triển sản xuất Vải theo tiêu chuẩn VietGAP toàn huyện đạt 3.120ha; Dứa theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 300 ha; Na Đại theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 1.440 ha; Nhãn theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 300ha; phát triển sản xuất lúa chất lượng đạt 8.170ha; sản xuất rau chế biến, rau an toàn đạt 4.000ha. Ngoài ra, huyện đã tập trung chỉ đạo thực hiện dồn điền, đổi thửa đạt 2.115,52 ha; xây dựng, duy trì 33 mô hình cánh đồng mẫu lớn tại 12 xã; 38 nhà màng, nhà lưới sản xuất rau, hoa ứng dụng công nghệ cao với quy mô trên 8,6 ha. Một số sản phẩm nông sản được đầu tư xây dựng nhãn hiệu, bao bì sản phẩm, đạt sản phẩm OCOP (*huyện có 20 sản phẩm*

được công nhận OCOP trong đó có 18 sản phẩm được xếp hạng 3 sao và 02 sản phẩm được xếp hạng 4 sao).

- Công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng được chú trọng, phát triển mạnh cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao. Tổng diện tích rừng trên địa bàn huyện 24.565,76 ha, hằng năm diện tích trồng rừng mới đạt trên 1.000 ha/năm, ổn định tỷ lệ che phủ của rừng đạt 36,32%.

- Phát triển chăn nuôi, thủy sản theo quy hoạch, đến nay chăn nuôi, thủy sản của huyện đã phát triển theo hướng chăn nuôi trang trại, gia trại tập trung quy mô vừa và lớn, đảm bảo an toàn dịch bệnh. Tổng số trang trại hiện có trên địa bàn huyện 118 trang trại chăn nuôi. Huyện đã tích cực thực hiện chuyển đổi giống vật nuôi, đưa các giống vật nuôi, mô hình mới có năng suất và chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường vào sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao: nuôi dê theo hướng an toàn sinh học, nuôi lợn thịt, nuôi gia cầm theo tiêu chuẩn VietGap... Ngoài ra huyện cũng đã hình thành các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, bước đầu đã áp dụng công nghệ cao vào nuôi cá thâm canh như: Sử dụng quạt nước, thức ăn công nghiệp và chế phẩm vi sinh trong xử lý môi trường ao nuôi, với một số đối tượng cá nuôi như: chép, trôi, trắm, rô phi, chim trắng... đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Từ kết quả đó, đã góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp được thể hiện qua tổng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản (theo giá cố định năm 2010) năm 2022 đạt 3.915 tỷ đồng tăng bình quân 6,3%/năm; năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của các sản phẩm nông nghiệp được nâng lên, đáp ứng tốt nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng; đời sống người dân từng bước được nâng cao, mức sống được cải thiện.

2.3.3. Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ

Sau 13 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới, kinh tế khu vực nông thôn đã có bước thay đổi tích cực; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên rõ rệt. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch mạnh mẽ, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển. Đến nay, giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 13.687 tỷ đồng (chiếm 48%); thương mại - dịch vụ đạt 8.395 tỷ đồng (chiếm 29%).

- Trên địa bàn huyện có 08 cụm công nghiệp với quy mô 381,21ha (trong đó có 04 cụm công nghiệp mới thành lập với diện tích 196,6 ha: *Cụm công nghiệp Lan Sơn 2 (75ha)*, *Cụm công nghiệp Khám Lạng (40ha)*, *Cụm công nghiệp Tiên Hưng (31,6ha)*, *Cụm công nghiệp Phương Sơn, Đại Lâm (50ha)*); ngoài ra khu công nghiệp Yên Sơn, Bắc Lũng với quy mô 300ha đang được tỉnh lập chủ trương đầu tư.

- Toàn huyện có 557 công ty, doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất, kinh doanh; 111 hợp tác xã và 16.880 Hộ kinh doanh cá thể đang hoạt động, lĩnh vực

kinh doanh tương đối đa dạng và phong phú, trong đó, tập trung nhiều vào các ngành nghề may mặc, hàng điện tử, chế biến gỗ, sản xuất than hoạt tính và một số sản phẩm nông nghiệp... Các đơn vị thu hút lao động tại địa phương cao như: Công ty cổ phần tổng công ty may Bắc Giang LNG, Công ty TNHH Khải Thừa, Công ty TNHH Khải Thần, Công ty may JMC... góp phần giải quyết việc làm và tạo thu nhập ổn định cho người dân.

- Dịch vụ vận tải, viễn thông phát triển nhanh, hiện nay có 06 doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đang hoạt động, duy trì 06 đường thư nội huyện đảm bảo phục vụ các dịch vụ trên mạng lưới bưu chính thông suốt, thông tin liên lạc đảm bảo phục vụ địa phương. Trên địa bàn huyện có 07 chi nhánh ngân hàng thương mại, 02 quỹ tín dụng nhân dân hoạt động đáp ứng tốt nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

2.3.4. Về thu nhập

Thu nhập bình quân đầu người của huyện năm 2023 ước đạt 55,3 triệu đồng/người/năm, tăng 38,9 triệu đồng/người/năm so với năm 2011. Khu vực nông thôn thu nhập bình quân đầu người của các xã đạt 52,1 triệu đồng/người/năm (cao nhất là xã Bảo Đài 55,7 triệu đồng/người/năm, thấp nhất là xã Lục Sơn đạt 44,8 triệu đồng/người/năm).

(Có Phụ lục số 04: Thu nhập bình quân đầu người tại các xã kèm theo)

Tự đánh giá: 23/23 xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về Thu nhập.

2.3.5. Về nghèo đa chiều

Công tác giảm nghèo luôn được huyện quan tâm chỉ đạo với nhiều giải pháp, chính sách hỗ trợ như: Hỗ trợ đào tạo nghề; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, tạo điều kiện tốt nhất cho các hộ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, thoát nghèo bền vững. Từ năm 2011 - 2023, đã huy động nguồn lực trong dân và doanh nghiệp để chăm lo cho hộ nghèo: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo mua bò giống, gà giống; hỗ trợ hộ nghèo xây mới, cải tạo nhà ở; hỗ trợ hộ nghèo vay vốn tín dụng; hỗ trợ học phí mức 100% cho học sinh là đối tượng thuộc hộ nghèo; hỗ trợ Tết vì người nghèo; 100% số người nghèo được cấp thẻ BHYT miễn phí và được khám chữa bệnh miễn phí ở Trung tâm Y tế huyện...

Năm 2023, hộ nghèo toàn huyện là 2.529 hộ, chiếm tỷ lệ 4,14%. Trong đó, trên địa bàn 23 xã có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều dưới 11% thấp hơn tỷ lệ quy định của tiêu chí.

Tự đánh giá: 23/23 xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về Hộ nghèo.

2.3.6. Về lao động

Huyện đã xây dựng và triển khai có hiệu quả chương trình đào tạo nghề

cho lao động nông thôn, trong đó tập trung đào tạo nghề trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, thương mại, đáp ứng thị trường lao động trên địa bàn huyện. Phát triển cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại - dịch vụ; mở rộng thị trường xuất khẩu lao động tạo việc làm cho lao động nông thôn. Tổng số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ tại 23 xã là 28.668/113.936 người, chiếm tỷ lệ 25,16%, tại các xã tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ đều đạt trên 20%.

Tự đánh giá: 23/23 xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về Lao động.

2.3.7. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

- Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã:

Toàn huyện có 74 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó có 03 HTX Thủy sản; 13 HTX chăn nuôi; 14 HTX Thủy lợi; 22 HTX Trồng trọt; 01 HTX Lâm Nghiệp; 21 HTX NN tổng hợp. 100% các xã trên địa bàn huyện đều có Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo Luật HTX năm 2012. 100% các Hợp tác xã được đánh giá, xếp loại từ khá trở lên theo Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững:

Các xã đều đã xác định sản phẩm của địa phương, đồng thời tập trung chỉ đạo, thực hiện xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo bền vững để từng bước phát triển nhân ra diện rộng. Tăng cường việc thực hiện dồn điền, đổi thửa, tích tụ đất đai, công tác liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, tham gia chuỗi giá trị sản phẩm...

100% số xã đều có ít nhất 01 mô hình sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương đảm bảo bền vững về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.

Một số mô hình trong trồng trọt như mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi gắn tiêu thụ sản phẩm Nhân xã Lục Sơn, quy mô 150 ha, doanh thu 310 triệu đồng/ha; mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi có tiêu thụ sản phẩm Dưa chuột xã Đông Phú diện tích 20 ha, doanh thu 120 triệu/ha....Trong chăn nuôi mô hình gà Thương phẩm xã Cẩm Lý.

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương:

Trong những năm qua, huyện đã đẩy mạnh việc xúc tiến thương mại cho các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn, đã cấp mã QR cho các sản phẩm nông sản địa phương. Đến nay, được Cục Sở hữu trí tuệ cấp bảo hộ Chỉ dẫn địa lý cho 01 sản phẩm (na dai); nhãn hiệu hàng hóa tập thể cho 13 sản phẩm (Na dai Lục Nam, Na dai Nghĩa Phương, Dứa Lục Nam, Rượu Núi Huyền và Trà Hoa vàng, Nhân Lục Sơn, Khoai lang, khoai sọ, hạt dẻ, Bưởi Mai Suu, chả giã tay, dê, chim bồ câu); 04 nhãn hiệu chứng nhận (Long nhãn Đan Hội, Dưa chuột - Đông Phú, Đông trùng hạ thảo - Đông Hưng, HTX Phúc Hưng - Trường Sơn; dự kiến năm 2023, đăng ký thực hiện 05 sản phẩm đăng ký nhãn hiệu chứng nhận. Trên địa bàn có 20 sản phẩm được chứng nhận OCOP trong đó có 02 sản phẩm 4 sao (Đông trùng hạ thảo khô, trà hoa vàng) và 18 sản phẩm đạt chứng nhận 3 sao.

Trên cơ sở xác định sản phẩm chủ lực của địa phương, các xã đã tập trung trung lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP đảm bảo bền vững về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, có hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, mang lại hiệu quả cao gấp từ 1,5-2 lần so với sản xuất đại trà trên từng lĩnh vực sản xuất. Đến nay, trên địa bàn huyện đã hình thành vùng sản xuất vải thiều, nhãn, dứa, na đạt tiêu chuẩn VietGAP tại một số xã trọng điểm như: Bình Sơn, Nghĩa Phương, Vô Tranh, Đông Phú, Đông Hưng, Trường Giang, Huyền Sơn, Bảo Sơn, Tam Dị, trong đó: Diện tích vải thiều sản xuất theo hướng tiêu chuẩn VietGAP đạt 3.120 ha (chiếm 52,9% tổng diện tích); diện tích na sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 1.440 ha (chiếm 83,2% diện tích); diện tích dứa sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 300 ha (chiếm 71,4% diện tích); diện tích nhãn sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP 300 ha (chiếm 40% diện tích). Trong đó diện tích được cấp chứng nhận VietGap tăng 280 ha so với năm 2020 (*1.091,57ha: vải thiều 828,87ha; na dai 165,1ha; Dứa 35 ha; nhãn 90 ha; bưởi 20 ha, thanh long 20 ha, cam 20 ha*). Diện tích lúa chất lượng ước khoảng 5.700ha/năm (chiếm 35,4% tổng diện tích); Đã hình thành các vùng sản xuất rau chế biến, rau an toàn đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng đưa vào tiêu thụ tại các siêu thị, khu công nghiệp và cung cấp cho các nhà máy chế biến xuất khẩu, với quy mô diện tích 4.000 ha/năm, chiếm 64,5% tổng diện tích rau toàn huyện (*diện tích rau đã được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP là 92,6 ha*), trong đó diện tích rau phục vụ chế biến xuất khẩu đạt khoảng 240ha.

100% số xã đã và đang thực hiện ít nhất 01 mô hình là sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGap hoặc tương đương.

- Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường:

Trên địa bàn huyện có 03 làng nghề truyền thống hoạt động hiệu quả: Làng

nghe Dệt thổ cẩm, địa chỉ tại thôn Vĩnh Ninh xã Lục Sơn với 27 hộ tham gia; Làng nghề Làm giấy gió thôn Vĩnh Ninh xã Lục Sơn với 6 hộ tham gia; Làng nghề Tân Sơn xã Bảo Sơn sản xuất kinh doanh hoa, cây cảnh với sự tham gia của 27 hộ. Việc bảo tồn và phát triển sản phẩm của làng nghề bên cạnh việc giữ gìn, phát huy bản sắc truyền thống của địa phương còn tạo ra giá trị, công ăn việc làm và thu nhập cho lao động tại địa phương.

- Về Tổ khuyến nông cộng đồng: 23/23 xã đều đã thành lập Tổ khuyến nông cộng đồng với thành viên gồm: lãnh đạo UBND xã, lãnh đạo thôn, cán bộ khuyến nông, hộ nông dân sản xuất giỏi,... bước đầu được đánh giá hoạt động hiệu quả, góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp đạt kết quả tốt. 23 Tổ khuyến nông của 23 xã với tổng số 136 người, bình quân 6 người/tổ, tổ có số lượng người ít nhất là 05 người, tổ có số lượng người nhiều nhất là 9 người; với các nội dung hoạt động chính của các tổ khuyến nông là: chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp và công nghệ, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp hiệu quả và bền vững; dịch vụ giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp, bảo vệ thực vật, thú y; tư vấn, giới thiệu các doanh nghiệp liên kết tiêu thụ sản phẩm; Tư vấn, hướng dẫn người nông dân tiếp cận chế độ chính sách của nhà nước hỗ trợ người nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp... đảm bảo theo nguyên tắc công khai, minh bạch, tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của địa phương.

Tự đánh giá: 23/23 xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất.

2.4. Về văn hóa - xã hội - môi trường

2.4.1. Về giáo dục và Đào tạo

Trong những năm qua, công tác giáo dục luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của huyện và cấp ủy, chính quyền các địa phương, sự phối kết hợp của các cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội nên phong trào giáo dục tại các xã nông thôn mới phát triển toàn diện, chất lượng giáo dục được giữ vững và dần nâng cao. Cơ sở trang thiết bị giáo dục thường xuyên được nâng cấp theo hướng kiên cố, chuẩn hóa hiện đại. Công tác quản lý, chỉ đạo đổi mới từng bước đi vào nề nếp.

- Về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở:

+ 23/23 xã trên địa bàn huyện duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non được nâng lên rõ rệt.

+ 23/23 xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

+ 23/23 xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở mức độ 3. Huyện đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở mức độ 3.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học trung học (*phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp*) trên địa bàn huyện đến hết năm 2022 là

2.711/2.829 học sinh đạt 95,83%. Trong đó, 23 xã có tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học lên đạt trên 80%.

Tự đánh giá: 23/23 xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo.

2.4.2. Về Y tế

- Đến nay, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn huyện đạt tỷ lệ 99,7% (trong đó 23/23 xã xây dựng nông thôn mới đều đạt trên 99%).

- Cơ sở vật chất và mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố, đầu tư nâng cấp trang thiết bị phục vụ tốt việc khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; công tác kiểm soát và giám sát dịch tễ được chủ động triển khai và không để dịch bệnh lớn xảy ra. Các hoạt động thuộc chương trình mục tiêu y tế quốc gia được triển khai thực hiện có hiệu quả (*sức khỏe môi trường, y tế học đường, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em,...*). Đến nay, 23/23 xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (*chiều cao theo tuổi*) toàn huyện tính đến nay là 20,1%. 23/23 xã đều có tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, thể thấp còi dưới 24%.

- Tại các xã, thị trấn tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt và sử dụng sổ sức khỏe điện tử. Trạm Y tế các xã, thị trấn đã cài đặt phần mềm quản lý Trạm Y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử, phần mềm quản lý F0, quản lý tiêm chủng mở rộng, tiêm phòng Covid-19, khám chữa bệnh bảo hiểm y tế. Đến nay, tỷ lệ người dân có hồ sơ quản lý sức khỏe trên địa bàn huyện đạt 95,8%, trong đó 23/23 xã có tỷ lệ người dân có hồ sơ quản lý sức khỏe đạt $\geq 50\%$.

- Việc cài đặt sổ khám sức khỏe điện tử cho người dân được quan tâm, tuyên truyền, hướng dẫn người dân hoàn thiện việc cài đặt, kết quả đến nay 23/23 xã có tỷ lệ cài đặt sổ sức khỏe điện tử cho người dân $\geq 50\%$.

Tự đánh giá: 23/23 xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về Y tế.

2.4.3. Về văn hóa

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được duy trì và phát triển. Phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá gắn với xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa*" được đẩy mạnh đã mang lại hiệu quả thiết thực. Công tác xây dựng thôn, làng, gia đình văn hoá tiếp tục đạt được những kết quả tích cực. Năm 2011, toàn huyện có 190/334 làng, thôn, TDP đạt danh hiệu văn hoá (đạt 56,8%), có 43.912/51.136 hộ gia đình được công nhận gia đình văn hoá (đạt 86%). Đến hết năm 2022, toàn huyện có 238/282 thôn, TDP được công nhận thôn văn hoá (đạt 84,3%), 54.807/60.580 gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hoá (đạt 90,47%), 100% các thôn, khu dân cư đã xây dựng và thực hiện tốt hương ước, quy ước.

- Các hoạt động tuyên truyền, phòng, chống bạo lực gia đình luôn được quan tâm thực hiện. Toàn huyện có 100 câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình (*hết năm 2023 dự kiến 112*). Các địa phương đều có bố trí các điểm tư vấn, lánh nạn cho

các cho nạn nhân bị bạo lực gia đình tại cộng đồng. Không xảy ra các vụ bạo lực gia đình bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xử lý hình sự.

- Trên địa bàn huyện có hệ thống di tích lịch sử, văn hóa phong phú và đa dạng, bao gồm 263 di tích đã được kiểm đếm; trong đó 85 di tích được xếp hạng (gồm 16 di tích xếp hạng quốc gia, 69 di tích xếp hạng cấp tỉnh); 01 Hương án chùa Khám Lạng được công nhận là bảo vật quốc gia, Lễ hội đền Suối Mỡ được UNESCO công nhận là di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia... Các di tích thường xuyên được tu bổ, tôn tạo, giai đoạn năm 2011 đến nay đã có 53 di tích được trùng tu, tôn tạo với tổng kinh phí trên 42 tỷ đồng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân, hằng năm đã thu hút trên 100 nghìn lượt du khách đến thăm quan, dâng hương góp phần phát triển du lịch tâm linh, du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện.

Tự đánh giá: 23/23 xã đạt chuẩn tiêu chí số 16 về Văn hoá.

2.4.4. Về môi trường và An toàn thực phẩm

- *Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn:* Trên địa bàn huyện có 23 xã, với 16 công trình cấp nước tập trung phục vụ sinh hoạt cho quy mô cấp thôn, xã. Gồm các hạng mục công trình thu nước, xử lý nước, mạng lưới đường ống phân phối nước và các công trình phụ trợ có liên quan từ loại hình cấp nước tự chảy và bơm dẫn đến tất cả các xã. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch có các thông số chất lượng nước đáp ứng quy chuẩn của Bộ Y tế hoặc quy chuẩn kỹ thuật địa phương do UBND tỉnh ban hành (*sử dụng nước qua máy lọc nước hộ gia đình*) được điều tra đến nay là: 59,05%.

- *Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường $\geq 90\%$:*

+ Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề tại 25 xã, thị trấn là 131 cơ sở, trong đó có 131 cơ sở đảm bảo quy định về môi trường (*có Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường, Giấy phép môi trường và Đăng ký môi trường*) đạt tỷ lệ 100%. Các cơ sở đều đã hoàn thành việc lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận, xác nhận và thực hiện đúng các nội dung cam kết trong hồ sơ môi trường đã được phê duyệt, xác nhận, chấp thuận; trong đó: 12 cơ sở được phê duyệt Đánh giá tác động môi trường; Đề án bảo vệ môi trường chi tiết; 85 cơ sở được xác nhận Kế hoạch, Đề án bảo vệ môi trường đơn giản, 03 làng nghề được phê duyệt phương án BVMT, 04 cơ sở được cấp Giấy phép môi trường và 27 cơ sở được cấp Đăng ký môi trường. 100% cơ sở thực hiện quan trắc môi trường định kì theo quy định; 100% cơ sở có công trình, thiết bị thu gom, lưu giữ CTR thông thường, CTR nguy hại và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định; 100% cơ sở có công trình thu gom, thoát nước, xử lý nước thải, khí thải phát sinh theo quy định.

+ Trên địa bàn huyện Lục Nam có 03 làng nghề (Cây cảnh thôn Tân Sơn, xã Bảo Sơn; Dệt thổ cẩm thôn Vĩnh Ninh, xã Lục Sơn và Giấy gió thôn Vĩnh Ninh, xã Lục Sơn) đều thực hiện đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

+ Đến nay, 100% các cơ sở kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng phải lập hồ sơ bảo vệ môi trường đều có hồ sơ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường. Các cơ sở nuôi trồng thủy sản đều đảm bảo không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hoá chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép;... các làng nghề đã xây dựng phương án bảo vệ môi trường và triển khai thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường làng nghề.

- *Cảnh quan, không gian xanh – sạch – đẹp, an toàn, không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung:*

Hàng năm, các xã triển khai kế hoạch xây dựng chỉnh trang cảnh quan môi trường trên địa bàn xã, cắt tỉa cây xanh, cỏ ven đường; trồng thêm cây xanh, tuyến đường hoa; tu bổ, sơn sửa các công trình phúc lợi xã hội; chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể, cụm dân cư các thôn, xóm tổ chức dọn vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh, cụ thể:

+ Duy trì hiệu quả ngày ra quân tổng vệ sinh môi trường nông thôn vào ngày 17 hàng tháng và huy động lực lượng tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường do tỉnh, huyện và địa phương phát động.

+ Mỗi năm đều phát động tổ chức từ 2 đến 5 đợt phát động tổng vệ sinh môi trường quy mô toàn huyện, thu hút đông đảo người dân tham gia, trong các đợt phát động, ngày vệ sinh môi trường nông thôn hàng tháng 100% các xã đều huy động lực lượng tổ chức thực hiện các hoạt động dọn dẹp, phát quang bụi rậm, tổng vệ sinh môi trường, đường làng, ngõ xóm, khơi thông cống rãnh... Đến nay, công tác vệ sinh môi trường khu vực nông thôn đã có chuyển biến tích cực, đảm bảo đường làng, ngõ xóm xanh - sạch - đẹp.

+ Tổ chức trồng hoa, cây xanh ven đường tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp. Tháng 6/2023, toàn huyện có 95 tuyến đường hoa cây xanh với tổng chiều dài 73,2 km.

+ Nước thải sinh hoạt: 100% các hộ đều có hố ga riêng để xử lý nước thải phát sinh của gia đình. 100% khu dân cư các xã, các cơ sở sản xuất kinh doanh có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực; không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng trong khu dân cư. 100% hương ước, quy ước các thôn, xóm đều có nội dung về bảo vệ môi trường.

- *Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt $\geq 2m^2$ / người*

Hàng năm, UBND huyện đều xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch Tổ chức phát động Tết trồng cây, đồng thời chỉ đạo các xã, thị trấn, các cơ quan,

đơn vị xây dựng kế hoạch và thực hiện phát động tết trồng cây của địa phương, đơn vị tại các địa điểm công cộng, khuôn viên cơ quan, trường học, nhà văn hóa, các tuyến đường giao thông, các điểm di tích... theo quy hoạch, đảm bảo cảnh quan và môi trường. Kết quả, đến nay, 23/23 xã có đất cây xanh sử dụng cho công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt trên 2m²/ người.

- Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch:

Các nghĩa trang nhân dân trên địa bàn các xã chủ yếu theo quy mô thôn và xã đều thực hiện xây dựng đúng theo quy hoạch. Các hủ tục lạc hậu trong tang lễ đã được xóa bỏ. Tổng số nghĩa trang trên địa bàn các xã là 233 nghĩa trang nhân dân thường xuyên được chỉnh trang. 23/23 xã đều ban hành quy chế quản lý nghĩa trang.

Hình thức hỏa táng được nhân dân đồng tình ủng hộ. Tính từ năm 2022 đến nay trên địa bàn huyện có tỷ lệ hỏa táng 24,21% (408 số người chết hỏa táng/1.685 số người chết). Trong đó các xã đạt tỷ lệ số người chết hỏa táng từ 7,56% trở lên.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo qui định đạt $\geq 70\%$

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Trước đây một số xã chưa tổ chức được thu gom rác thải sinh hoạt. Từ khi thực hiện xây dựng nông thôn mới đến nay, 23/23 xã và 2/2 thị trấn đều có phương án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt; 25/25 xã, thị trấn thành lập được 16 tổ, đội chuyên trách, 11 HTX và 04 doanh nghiệp hoạt động thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, tỷ lệ thu gom chất thải trên địa bàn đạt 91%. Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là 44.658,1 tấn/năm, lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom là 40.669,8 tấn /năm, đạt tỷ lệ 91%.

+ Lượng chất thải sinh hoạt phát sinh được tổ đội, HTX, doanh nghiệp thu gom bằng xe cải tiến, xe chuyên dụng, xe công nông, xe ba gác, xe kéo, xe ô tô đến đốt bằng lò đốt rác công nghệ đảm bảo về môi trường tại các khu xử lý rác thải tập trung của xã, cụm xã trên địa bàn huyện; một phần được xử lý đốt thủ công tại điểm tập kết của thôn và một phần được các hộ tự thu gom, xử lý tại hộ gia đình.

+ UBND huyện tổ chức thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và Đề án “*Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025*” ban hành kèm theo Quyết định số 1553/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Chất thải rắn xây dựng: Chất thải rắn xây dựng được người dân và các chủ đầu tư dự án thu gom, phân loại, một phần được tái sử dụng làm chất đốt, vật liệu xây dựng không nung, dụng cụ chứa, đưng, san lấp mặt bằng...; phần còn lại không có khả năng tái chế, tái sử dụng thì bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định. Tính đến hết năm 2022, Tổng lượng chất thải rắn xây dựng phát

sinh trên địa bàn khoảng 1.825 tấn/năm; lượng chất thải được thu gom, xử lý khoảng 1.733 tấn/năm, đạt 95%.

Chất thải rắn nông nghiệp: Chất thải nông nghiệp thông thường là phụ phẩm từ các loại vỏ, thân, lá cây trồng sau thu hoạch được người dân tận dụng làm nấm, làm chất đốt, thức ăn cho gia súc hoặc xử lý ngay tại đồng ruộng, vườn sản xuất bằng các hình thức cày lật đất, ngâm ủ với chế phẩm sinh học làm phân bón. Tháng 12/2022, tổng lượng phụ phẩm nông nghiệp phát sinh khoảng 182.500 tấn/năm, lượng thu gom 182.500 tấn/năm đạt tỷ lệ 100% (6 tháng đầu năm 2023 tổng lượng phụ phẩm nông nghiệp phát sinh khoảng 90.500 tấn, lượng phụ phẩm được thu gom, xử lý là 90.500 tấn/năm, đạt 100%).

Đối với chất thải rắn từ phân gia súc, gia cầm được các hộ chăn nuôi xử lý bằng hầm Biogas, ao lắng, hồ sinh học, sử dụng đệm lót sinh học. Đến nay, 100% trang trại trên địa bàn áp dụng công nghệ Biogas, đệm lót sinh học trong xử lý chất thải, đảm bảo vệ sinh môi trường; bao bì thức ăn chăn nuôi tại các trang trại, gia trại và hộ chăn nuôi sau sử dụng phần lớn được tái sử dụng, hạn chế nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Đến năm 2023 phát sinh 240,9 tấn/năm. Toàn bộ lượng chất thải công nghiệp được các cơ sở sản xuất phân loại, thu gom, xử lý đốt thủ công hoặc kí hợp đồng chuyên giao cho các đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định đạt tỷ lệ 100%.

- *Tỷ lệ bao gói, thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 100%*

+ Giai đoạn từ năm 2015-2020, công tác thu gom xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng vẫn chưa được quan tâm, chủ yếu được xử lý cùng rác thải sinh hoạt. Đến năm 2022, bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được các hộ dân bỏ vào các thiết bị (*Hố thu gom, bể bê tông có nắp đậy*) đã được các xã đặt tại các điểm, các vị trí phù hợp trên các cánh đồng. Khi các hố, bể bê tông chứa đầy sẽ chuyên giao cho đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải nông nghiệp nguy hại theo quy định. Hàng năm, sau mỗi vụ phun trừ thuốc bảo vệ thực vật, các xã đã tổ chức phát động thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên các cánh đồng để xử lý theo quy định, không gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tới sức khỏe người dân, các động vật khác. Cụ thể, năm 2022 toàn huyện phát sinh 4.562,5kg/năm, khối lượng được thu gom, xử lý là 4.562,5kg, đạt tỷ lệ 100%; định kỳ UBND huyện giao cho Hội liên hiệp Phụ nữ huyện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (*Công ty CP xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình, địa chỉ tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang*) để thực hiện việc thu gom, xử lý cho 25/25 xã, thị trấn đảm bảo quy định pháp luật về môi trường.

+ *Chất thải rắn y tế:* Trên địa bàn huyện có 01 TT Y tế (*Cơ sở ở thị trấn Đồi Ngô*) và 25 trạm y tế xã, thị trấn và một số phòng khám tư nhân. Tháng 12/2022, tổng lượng chất thải phát sinh 17.328,5 kg (*gồm: 13.000kg là chất thải rắn y tế thông thường, 4.000kg là chất thải nguy hại không lây nhiễm, 328,5 kg là*

chất thải lây nhiễm) tỷ lệ thu gom, xử lý đạt 100%; 6 tháng đầu năm 2023 là 9.028 kg, tỷ lệ thu gom, xử lý đạt 100%. Trung tâm Y tế huyện đã Hợp đồng với Công ty CP xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình để thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải rắn y tế theo quy định đảm bảo vệ sinh môi trường.

- *Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch “sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ” đạt $\geq 70\%$*

Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch trên địa bàn 25 xã, thị trấn là 61.178/61.178 hộ, đạt 100%.

- *Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt $\geq 60\%$.*

Trong những năm qua, huyện và các xã đã tập trung chỉ đạo, thực hiện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn các văn bản quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường để các cơ sở chăn nuôi nắm bắt và chủ động thực hiện. Huyện và các xã đã thực hiện việc quy hoạch các vùng chăn nuôi đảm bảo theo các quy định để khuyến khích các tổ chức, cá nhân phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại, gia trại, từng bước giảm chăn nuôi trong khu dân cư để đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn. Hằng năm, chỉ đạo và thực hiện việc ký cam kết về đảm bảo vệ sinh môi trường đối với các cơ sở chăn nuôi ở các địa phương.

Đến nay, tổng số cơ sở chăn nuôi tại 23 xã là 1.744 cơ sở, trong đó có 1.311 cơ sở chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt tỷ lệ 75,2%. Các chuồng nuôi được xây dựng tách biệt với nhà ở, được vệ sinh định kỳ và phun khử khuẩn bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh. Chất thải chăn nuôi được thu gom chủ yếu bằng hầm biogas, sử dụng chế phẩm sinh học...

- *Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt $\geq 30\%$.*

Giai đoạn 2015-2020, việc phân loại rác thải tại nguồn còn chưa được triển khai thực hiện trên địa bàn. Năm bắt được tầm quan trọng của công tác này từ năm 2021, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và Đề án “*Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025*” ban hành kèm theo Quyết định số 1553/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang; UBND huyện ban hành Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 10/3/2022 về việc Tổ chức phân loại rác thải đầu nguồn trên địa bàn huyện, đồng thời UBND huyện đã phối hợp với Sở Tài nguyên & Môi trường, Hội Liên hiệp Phụ Nữ tỉnh tổ chức tập huấn và triển khai mô hình phân loại chất thải

rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện; triển khai thực hiện thí điểm tại một số xã và nhân rộng toàn huyện. Để nâng cao hiệu quả thực hiện và góp phần xây dựng huyện nông thôn mới, đạt tiêu chí Môi trường, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 27/2/2023 về hoạt động thực hiện Đề án “*Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025*” năm 2023; kết quả thực hiện Đề án bước đầu đạt được những kết quả tích cực, cụ thể: Tháng 6/2023 trên địa bàn toàn huyện có 36.010/61.178 hộ tham gia phân loại rác thải đầu nguồn đạt tỷ lệ 58,86%.

- *Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt $\geq 30\%$.*

Giai đoạn 2011 -2015 trên địa bàn huyện còn chưa triển khai thực hiện thu gom, phân loại rác thải nhựa để bán, tái chế. Năm 2021, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và Đề án “*Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025*” ban hành kèm theo Quyết định số 1553/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang; UBND huyện ban hành Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 10/3/2022 về việc Tổ chức phân loại rác thải đầu nguồn trên địa bàn huyện, đồng thời UBND huyện đã phối hợp với Sở Tài nguyên & Môi trường, Hội Liên hiệp Phụ Nữ tỉnh tổ chức tập huấn và triển khai mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện. Qua việc triển khai mô hình, lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định tăng đáng kể.

Năm 2022, tổng lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn 23 xã và 02 thị trấn khoảng 1.095,2 tấn/năm, lượng chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định là 739,26 tấn/năm đạt tỷ lệ 67,5%.

Tự đánh giá: 23/23 xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm.

2.4.5. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

Hệ thống chính trị thường xuyên được củng cố, kiện toàn, đảm bảo đủ số lượng. Đảng bộ, chính quyền, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới luôn phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có 23/23 xã được đánh giá từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Công tác quốc phòng, an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn 23 xã luôn được đảm bảo và giữ vững.

*** Xây dựng hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:**

- *Cán bộ công chức xã đạt chuẩn:* Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị đối với cán bộ, công chức các xã được quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên. Đến

nay 100% cán bộ, công chức của 23 xã đạt chuẩn theo quy định.

- *Chỉ tiêu Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên:* Kết quả đánh giá hằng năm, có 23/23 Đảng bộ, chính quyền các xã đều xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- *Chỉ tiêu Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên:* Hiện nay, 23/23 xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định từ xã đến thôn gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Hằng năm, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các xã đều xây dựng chương trình công tác, triển khai thực hiện công tác chính trị tư tưởng, công tác phát triển đoàn viên, hội viên, thực hiện các phong trào thi đua, phối hợp tốt cùng chính quyền thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh tại địa phương. Hằng năm, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được đánh giá từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- *Chỉ tiêu xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:* Có 100% văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã ban hành đều theo quy định; công tác phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý được thực hiện thường xuyên; quy chế dân chủ được thực hiện tốt, thiết chế tiếp cận pháp luật được tổ chức và hoạt động đầy đủ các xã đều có công chức Tư pháp-Hộ tịch, có địa điểm và cơ sở vật chất đảm bảo để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hằng năm, 23/23 xã đều được Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của huyện thẩm định, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- *Chỉ tiêu đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.*

Trong những năm qua, UBND huyện luôn thực hiện tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội thường xuyên tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về bình đẳng giới; đẩy mạnh thực hiện lồng ghép các mục tiêu Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, nhằm phát huy vai trò nòng cốt của các ngành, các cấp trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong cộng đồng xã hội về những nội dung, kiến thức, văn bản pháp luật liên quan đến bình đẳng giới; hàng năm, tổ chức nhiều cuộc Hội thảo, Hội thi tìm hiểu kiến thức pháp luật về bình đẳng giới; tổ chức triển khai mô hình đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực gia đình và đời sống xã hội.

Hiện 23/23 xã đều có nữ lãnh đạo chủ chốt và quy hoạch lãnh đạo chủ chốt (có 9/23 nữ lãnh đạo đã bổ nhiệm, có 14/23 xã có quyết định phê duyệt quy hoạch lãnh đạo nữ chủ chốt); có trên 33% phụ nữ tham gia Hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị; không

có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, bạo lực gia đình; môi tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về phòng, chống xâm hại trẻ em trên hệ thống thông tin cơ sở về luật pháp, chính sách, cung cấp kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em; các xã thực hiện bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em trong số các công chức cấp xã, có mô hình “*địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh*” cho các nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình tại cộng đồng đạt chuẩn; không có nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình tại cộng đồng, không có trường hợp trẻ em bị xâm hại; 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đều được bảo vệ và trợ giúp xã hội.

- *Chỉ tiêu cơ kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của ban phát triển thôn: Có 23/23 xã có xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn hằng năm. Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa Ban công tác Mặt trận thôn với cấp uỷ, Trưởng thôn trong công tác vận động, tuyên truyền, tập huấn cho người dân trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Hằng năm, đảm bảo ít nhất 12% số nhân khẩu (trong độ tuổi lao động) trên địa bàn được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới.*

Tự Đánh giá: 23/23 xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

*** Công tác quốc phòng, an ninh trật tự**

- Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được tăng cường, chỉ đạo gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; hằng năm đều hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân.

- Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội được thực hiện có hiệu quả. Phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*” được đẩy mạnh thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, tuần tra kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội ổn định, phạm pháp hình sự, tai nạn giao thông hằng năm đều giảm.

Đánh giá: 23/23 xã đạt chuẩn tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh.

(Kèm theo hiểu số 05: Tổng hợp kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới)

3. Kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-

2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Huyện Lục Nam đã có 03/23 xã (*Đông Hưng, Đông Phú, Bảo Đài*), đạt tỷ lệ 13,04%, đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định.

3.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch

Tổ chức rà soát và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung 03 xã nông thôn mới nâng cao bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Các xã đã tổ chức công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và nhà văn hoá thôn; đồng thời, xây dựng quy chế quản lý làm cơ sở triển khai, đầu tư xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt; 03 xã có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã và quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch của huyện, của tỉnh.

Tự đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 01 về quy hoạch

3.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

3.2.1. Về giao thông

- *Đường trục xã, liên xã:* Tổng chiều dài đường trục xã, liên xã của 03 xã 33,837km, đã được đầu tư đạt chuẩn 33,837km, đạt tỷ lệ 100%, quy mô chủ yếu của các tuyến đường là đường GTNT loại A. Toàn bộ các tuyến đường xã này đều được bảo trì hàng năm và đảm bảo sáng-xanh-sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (*biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...*) đảm bảo an toàn giao thông theo quy định đạt 100% theo quy định.

- *Đường trục thôn, liên thôn:* Tổng chiều dài đường trục xóm, liên xóm của 03 xã 96,413km, đã đầu tư đạt chuẩn 96,413km, đạt tỷ lệ 100%, quy mô chủ yếu của các tuyến đường là đường GTNT loại B. Các tuyến đường đều được bố trí các hạng mục cần thiết theo quy định (*biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...*) và đảm bảo đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp.

- *Đường ngõ xóm:* Tổng chiều dài đường ngõ xóm của 03 xã 69,1km, đã đầu tư đạt chuẩn 65,7 km, đạt tỷ lệ 95,07%. Các tuyến đường không lầy lội vào mùa mưa và đường đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp theo quy định.

- *Đường nội đồng:* Tổng chiều dài đường nội đồng của 03 xã 63,6km, đã đầu tư đạt chuẩn 29,44km, đạt tỷ lệ 46,29%. Đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.

Tự đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 02 về Giao thông.

3.2.2. Về thủy lợi

- *Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 90\%$:* Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp của 03 xã là 3.974,74 ha trong đó diện tích gieo trồng thực tế được tưới chủ động là 3.951,74 ha, đạt 99,42% tổng diện tích sản xuất nông nghiệp; Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp là 3.534,59 ha, diện tích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp được tiêu chủ động là 3.511,59 ha, đạt 99,35%.

- *Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững:* HTX dùng nước Bảo Đài được thành lập theo số đăng ký HTX 200807000004, ngày 19/5/2015, của UBND huyện Lục Nam cấp; Xã Đông Hưng thành lập Tổ Hợp tác Đồng Xung theo Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 29/9/2010 của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã Đông Hưng; Xã Đông Phú thành lập Tổ Hợp tác dùng nước xã Đông Phú theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 16/10/2010 của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã Đông Phú. Hợp tác xã và Tổ hợp tác dùng nước có trách nhiệm quản lý, sửa chữa, vận hành các công trình thủy lợi trên địa bàn xã.

- *Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước $\geq 40\%$:* Tổng diện tích cây trồng chủ lực của 03 xã là 1.020,76 ha trong đó diện tích được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước là 832,96 ha, đạt 81,6% tổng diện tích sản xuất cây trồng chủ lực, trong đó xã Đông Phú 171,5/345 ha, đạt 49,71%; xã Đông Hưng 498,55/512,85ha, đạt 97,21%; xã Bảo Đài 162,915/162,915ha, đạt 100%.

- *Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm:* Các công trình thủy lợi kênh chính, kênh cấp 1, cấp 2 do Xí nghiệp KTCTTL Lục Nam đảm nhiệm; các công trình kênh vừa do HTX, THT dùng nước đảm nhiệm; các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được UBND xã chỉ đạo các thôn tự huy động nhân dân tổ chức nạo vét, khơi thông đảm bảo phục vụ tưới tiêu cho 100% diện tích đất sản xuất nông nghiệp theo đúng kế hoạch đề ra.

- *Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi:* Cả 03 xã Đông Hưng, Đông Phú và Bảo Đài không có khu, cụm công nghiệp, không có các công ty, doanh nghiệp sản xuất lớn đóng trên địa bàn, chưa có khu du lịch sinh thái đi vào hoạt động, các hộ gia đình chăn nuôi nhỏ lẻ, chất thải của gia súc, gia cầm ít, đa số được sử dụng bón cho cây trồng, nên không có các nguồn gây ô nhiễm chảy xuống công trình thủy lợi.

- *Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Khá.*

Công tác chủ động phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn hằng năm, luôn được Đảng ủy 03 xã quan tâm, ban hành Nghị quyết để chỉ đạo triển khai thực hiện; UBND xã thành lập ban chỉ huy phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn, xây dựng kế hoạch PCTT-TKCN; Ban Chỉ huy PCTT-TKCN xã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, xây dựng các phương án cụ thể chi tiết để thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn, theo phương châm 4 tại chỗ đúng quy định. Kết quả chấm điểm 03 xã đảm bảo tất cả các mục yêu cầu "có" tại cột yêu cầu đều đáp ứng "có" và đạt từ 80 đến 84 điểm, xếp loại khá.

Tự đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 03 về thủy lợi và phòng, chống thiên tai.

3.2.3. Về điện

- Hệ thống trạm biến áp, các đường dây trung áp, hạ áp được đầu tư đồng bộ và đạt chuẩn theo yêu cầu kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của nhân dân trên địa bàn 03 xã.

- Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: 8.102 hộ/8.102 hộ, đạt tỷ lệ 100% (cụ thể: Xã Bảo Đài 2.773 hộ; xã Đông Hưng 2.419 hộ và xã Đông Phú là 2.910 hộ).

Tự đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 04 về điện.

3.2.4. Về giáo dục

- Trên địa bàn 03 (Bảo Đài, Đông Hưng, Đông Phú) có 9 trường học, trong đó có 3/9 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2, 6/9 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1. Xã Đông Hưng có 03 trường học trong đó trường THCS, trường mầm non đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, trường tiểu học đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2; xã Bảo Đài có 03 trường trong đó trường tiểu học, trường THCS đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, trường Mầm non đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2; xã Đông Phú có 03 trường trong đó trường Mầm non, trường Tiểu học có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, trường tiểu học Đông Phú đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học mức độ 2.

- Cả 03 xã đều duy trì và nâng chất lượng trường đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ em 5 tuổi. 100% số trẻ 5 tuổi được chi trả chế độ chính sách kịp thời theo qui định; 100% số lớp 5 tuổi đủ thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu và học riêng theo độ tuổi; 100% số lớp 5 tuổi được học phòng học kiên cố đảm bảo diện tích theo qui định.

- Cả 03 xã đều đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Hoạt động của TTHTCĐ của 03 xã rất phong phú và đa dạng, thực hiện tốt chức năng xóa mù chữ và nâng cao trình độ văn hoá cho nhân dân, tuyên truyền phổ biến pháp luật, hình thành kỹ năng lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống, học tập theo sở thích, các dịch vụ thông tin, văn hoá địa phương, thể dục thể thao... 03/03 xã được đánh giá, xếp loại khá.

Tự đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 05 giáo dục.

3.2.5. Về văn hoá

- Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên: 03/03 xã đều lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng phù hợp. Hằng năm, các xã đều tổ chức các hoạt động giao lưu văn nghệ, thể dục thể thao thu hút đông đảo nhân dân tham gia và cổ vũ. 100% thôn đều có Quyết định thành lập Câu lạc bộ thể thao và đã xây dựng quy chế hoạt động, kế hoạch hoạt động hàng năm. Các câu lạc bộ vẫn duy trì hoạt động đều

đạn hằng ngày và duy trì sinh hoạt CLB hàng tháng, quý, năm ... thường xuyên tổ chức giao hữu thể thao các ngày lễ lớn như Mừng Đảng mừng xuân, ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Quốc khánh 2/9...bảo đảm thiết thực, hiệu quả, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia hưởng ứng.

- *Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy đúng giá trị quy định:* Trên địa bàn 03 xã có 01 di tích xếp hạng cấp quốc gia (Đình Đại từ - Bảo Đài); có 05 di tích xếp hạng cấp tỉnh (Chùa Đại từ - Bảo Đài; Đình Rìa, Đình Va, Đình Gấn, Chùa Trắng - Đông Phú) được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

- *Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới:*

+ *Tỷ lệ thôn đạt chuẩn văn hoá theo quy định:* Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá gắn với xây dựng nông thôn mới của 03 xã được đẩy mạnh, đời sống văn hoá tinh thần của người dân được nâng lên. Năm 2022, xã Đông Hưng có 12/13 thôn đạt danh hiệu làng văn hóa (92,3%); xã Bảo Đài có 10/11 thôn đạt làng văn hóa (91%); xã Đông Phú có 17/17 thôn đạt làng văn hóa (100%). Các xã đều có trên 15% tổng số thôn văn hóa được UBND huyện khen thưởng; trên 15% tổng số gia đình văn hóa được UBND xã được biểu dương, khen thưởng.

+ *Tỷ lệ thôn đạt chuẩn nông thôn mới:* 100% các thôn của 03 xã đều đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó: Xã Đông Hưng có 12/13 thôn (có 01 thôn đạt nông thôn mới kiểu mẫu); xã Bảo Đài 11/11 thôn (có 02 thôn đạt nông thôn mới kiểu mẫu), xã Đông Phú có 17/17 thôn (có 01 thôn đạt nông thôn mới kiểu mẫu)

Tự đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 6 về văn hoá.

3.2.6. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Các xã Bảo Đài, Đông Phú, Đông Hưng không có chợ nhưng có các điểm mua bán, trao đổi hàng hoá, cửa hàng kinh doanh tổng hợp, có diện tích kinh doanh tối thiểu từ 50m² trở lên và có nơi để xe với quy mô phù hợp, danh mục hàng hoá đảm bảo từ 200 mặt hàng trở lên phục vụ nhân dân; có kiến trúc vững chắc; có trang bị các thiết bị cần thiết (tủ cấp đông, kệ, giá..); hàng hóa kinh doanh không thuộc danh mục cấm theo quy định.

Tự đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 07 cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

3.2.7. Về Thông tin và Truyền thông

- *Có điểm phục vụ bưu chính, đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân:* Cả 03 xã đều có bưu điện văn hoá xã được trang bị cơ sở vật chất gồm máy vi tính, máy in, cân điện tử, internet đảm bảo cho việc tổ chức cung ứng và phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính, dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

- *Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh:* 03 xã đều có tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh đạt từ 85% trở lên,

trong đó xã Đông Hưng 6.115/6.191 đạt 98,7%, xã Đông Phú 6100/6259 đạt 97,4%, xã Bảo Đài 5.749/6.763 đạt 85%.

Tự đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 08 thông tin và truyền thông.

3.2.8. Về nhà ở dân cư

Hiện nay, trên địa bàn 03 xã không còn nhà tạm, nhà dột nát. Tỷ lệ hộ có nhà kiên cố hoặc bán kiên cố tại 03 xã đều đạt trên 90%, trong đó: Xã Đông Hưng 2216/2401 hộ, đạt 92,29%; xã Đông Phú 2806/2910 hộ, đạt 96,4%; xã Bảo Đài 2813/2870 hộ, đạt 98%.

Tự đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 09 nhà ở dân cư.

3.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo

3.3.1. Về thu nhập

Thu nhập bình quân đầu người tại 03 xã (*Đông Hưng, Đông Phú, Bảo Đài*) của huyện đều đạt trên chuẩn về tiêu chí thu nhập đối với xã nông thôn mới nâng cao, trong đó: Xã Đông Hưng 54,8 triệu đồng/người/năm, xã Đông Phú 55,6 triệu đồng/người/năm, xã Bảo Đài 55,7 triệu đồng/người/năm.

Tự đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập.

3.3.2. Về nghèo đa chiều

Đến nay, trên địa bàn 03 xã tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (*không tính hộ nghèo không có khả năng lao động*) đều dưới 8%, trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều xã Đông Hưng là 1,77%, xã Đông Phú là 2,1%, xã Bảo Đài là 3,53%.

Tự đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều.

3.3.3. Về lao động

Tỷ lệ lao động qua đào tạo (*áp dụng cho cả nam và nữ*): Trên địa bàn 03 xã có tỷ lệ lao động qua đào tạo đều đạt chuẩn theo quy định, trong đó: Xã Đông Hưng đạt tỷ lệ 75,32 %, xã Đông Phú đạt tỷ lệ 76,73%, xã Bảo Đài đạt tỷ lệ 71,91%.

Tổng số người từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo được cấp văn bằng, chứng chỉ (*áp dụng cho cả nam và nữ*): Trên địa bàn 03 xã có tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp văn bằng, chứng chỉ đều đạt chuẩn theo quy định, trong đó: Xã Đông Hưng đạt tỷ lệ 25,69 %, xã Đông Phú đạt tỷ lệ 25,52%, xã Bảo Đài đạt tỷ lệ 25,02%.

Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành nghề chủ lực trên địa bàn: Trên địa bàn 03 xã có tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành nghề chủ lực đều đạt chuẩn theo quy định, trong đó: Xã Đông Hưng đạt tỷ lệ 75,8%, xã Đông Phú đạt tỷ lệ 84%, xã Bảo Đài đạt tỷ lệ 84,3%.

Tự đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 12 về lao động.

3.3.4. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

- Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định:

03 xã Đông Phú, Đông Hưng, Bảo Đài đều có các Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định. Trong đó xã Đông Phú có 04 HTX; xã Đông Hưng có 02 HTX; xã Bảo Đài có 08 HTX. HTX hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, theo Luật HTX 2012; dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, chỉ đạo của UBND xã.

+ Xã Đông Phú tổng số có 04 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó, có 02 HTX tiêu biểu trong thực hiện liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm nông sản cho các hộ dân sản xuất. HTX dịch vụ nông nghiệp xã Đông Phú thành lập năm 2017, địa chỉ tại thôn Tân Tiến, xã Đông Phú. Năm 2022, HTX dịch vụ nông nghiệp Đông Phú có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt loại khá; HTX Dưa leo quê Lục Nam địa chỉ tại thôn Va, xã Đông Phú có sản phẩm OCOP 3 sao, diện tích sản xuất 80 mẫu (29,63 ha) với 7 thành viên, lợi nhuận sau chi phí của năm 2022 là 800.000.000 đồng.

+ Xã Đông Hưng có 02 HTX, trong đó Hợp tác xã chăn nuôi Hà Thành được thành lập năm 2022, tại thôn Cai Vàng, xã Đông Hưng, ngành nghề kinh doanh chính là chăn nuôi trâu, bò và gia cầm. HTX được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã. HTX đã chủ động hợp đồng liên kết với các đơn vị cung ứng vật tư chăn nuôi trong xã và hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho các hộ chăn nuôi trong HTX để đảm bảo quyền lợi cho các thành viên, các sản phẩm làm ra đều được HTX bao tiêu đầu ra, lợi nhuận đạt 202 triệu đồng.

+ Xã Bảo Đài gồm 08 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, các HTX hoạt động tốt, trong đó HTX nông sản Lục Nam, thành lập năm 2018, đăng ký lại năm 2021, địa chỉ tại Châu, xã Bảo Đài. Tổng số thành viên chính thức là 17 hộ với 34 người tham gia, hoạt động chủ yếu của HTX là trong lĩnh vực trồng trọt, thu mua nông sản. Tổng doanh thu hàng năm của HTX là 8 tỷ đồng, sau khi trừ chi phí thì thu nhập mỗi thành viên bình quân 1 năm khoảng 132 triệu đồng.

Các sản phẩm của HTX đều có hợp đồng bao tiêu sản phẩm ổn định ngay từ đầu mỗi vụ sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, tạo ra các sản phẩm nông sản an toàn, chất lượng cung cấp cho người tiêu dùng, mang lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường.

- *Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn:* 03/3 xã đều có sản phẩm OCOP và sản phẩm tương đương đáp ứng yêu cầu: Đông trùng hạ thảo khô đạt 4 sao (xã Đông Hưng), Dưa lưới đạt 3 sao (xã Bảo Đài), Dưa chuột đạt 3 sao (xã Đông Phú). Các sản phẩm có thương hiệu mang tính chất đặc trưng lợi thế của từng vùng trên địa bàn các địa phương, qua đó nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Các sản phẩm ngày càng khẳng định thương hiệu và được người tiêu dùng biết đến và tin tưởng.

- *Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm:* Có 3/3 xã mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất. 02 xã Đông Phú, Bảo Đài có mô hình nhà màng, nhà lưới ứng dụng công nghệ cao, chuyên sản xuất các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như Dưa lưới, hoa cao cấp, áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, có liên kết theo chuỗi gắn với bao tiêu sản phẩm. Mô hình đông trùng hạ thảo xã Đông Hưng ứng dụng nuôi cấy mô trong nhân tạo giống. Các mô hình đều là mô hình điển hình tiên tiến của huyện, được đánh giá hiệu quả kinh tế cao và nhiều địa phương trong và ngoài tỉnh đến thăm quan học tập.

- *Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã:* 03/3 xã đều có sản phẩm chủ lực của các Hợp tác xã thiết lập hệ thống điện tử mã QR truy xuất nguồn gốc, đảm bảo yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin nguồn gốc mỗi công đoạn sản xuất, đến lưu trữ chế biến, cách sử dụng sản phẩm. Sản phẩm Dưa lưới của HTX nông sản an toàn Lục Nam (xã Bảo Đài) có tem truy xuất nguồn gốc, bao bì sản phẩm và được đánh giá sản phẩm OCOP 3 sao cấp tỉnh. Sản phẩm Đông trùng hạ thảo khô của Công ty TNHH Dược liệu Trường Thọ (xã Đông Hưng) được bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm, có tem truy xuất nguồn gốc, được chứng nhận sản phẩm OCOP 4 sao. Sản phẩm Dưa chuột của HTX dưa leo quê Lục Nam (xã Đông Phú) có chứng nhận nhãn hiệu sản phẩm, có tem truy xuất nguồn gốc, bao bì đóng gói và được chứng nhận sản phẩm OCOP 3 sao.

- *Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử:* Các sản phẩm chủ lực của 03/03 xã đã được bán qua kênh thương mại điện tử chiếm trên 35% như dưa lưới (xã Bảo Đài), Dưa chuột (xã Đông Phú), có nhưng sản phẩm bán trên 80% như Đông trùng hạ thảo (xã Đông Hưng), các sản phẩm được bán qua kênh thương mại điện tử như: Facebook, Zalo, trang điện tử

- *Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng:* 03/3 xã đều có mã vùng trồng vùng trồng xuất khẩu đảm bảo yêu cầu. Vùng sản xuất Dưa hấu xã Bảo Đài được cấp mã vùng trồng xuất khẩu thị trường Trung Quốc với diện tích 75,7ha; xã Đông Phú được cấp mã vùng trồng Dưa hấu xuất khẩu thị trường Trung Quốc diện tích 50,2 ha; Xã Đông Hưng có 02 mã vùng trồng Vải thiều xuất khẩu thị trường Thái Lan, diện tích 20,6 ha. Các mã vùng trồng đều tuân thủ các quy định mã vùng trồng như sản xuất theo hướng VietGAP, có sổ ghi chép sổ nhật ký đầy đủ... yêu cầu của các nước xuất khẩu.

- *Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường):* ≥ 01 mô hình

Có 03/03 xã đều có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và không gây ô nhiễm môi trường

nhu: mô hình nuôi cấy nấm đông trùng hạ thảo tại xã Đông Hưng; mô hình công nghệ cao sản xuất các loại cây trồng mang lại giá trị kinh tế cao: hoa ly, hoa cát tường, dưa chuột maya, dưa lưới hàn quốc... tại xã Bảo Đài; chuỗi liên kết sản xuất đậu tương rau tại xã Đông Phú.

Đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn.

3.4. Về phát triển y tế, hành chính công, tiếp cận pháp luật và bảo vệ môi trường

3.4.1. Về Y tế

- Đến nay, 03/03 xã có tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên 99%, trong đó: xã Đông Hưng 99,01%, xã Đông Phú 99,7%, xã Bảo Đài 99,98%.

- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) của 03 xã đều đạt chuẩn theo quy định, trong đó: xã Đông Hưng 95,3%, xã Đông Phú 94,53%, xã Bảo Đài 96%.

- Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) của 03 xã đều đạt trên 40%, cụ thể: xã Đông Hưng 62%, xã Đông Phú 41,23%, xã Bảo Đài 44%.

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử của 03 xã đều đạt trên 70%, cụ thể: xã Bảo Đài có 7.013/9.918 đạt 70%, xã Đông Phú có 7.509/10.575 đạt 71%, xã Đông Hưng có 7.759/9.899 đạt 78%

Tự đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 14 về y tế.

3.4.2. Về hành chính công

- *Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính:* 03/03 xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, có mạng internet cáp quang băng rộng và mạng truyền số liệu chuyên dùng. 100% các máy tính của cán bộ, công chức đã thực hiện cài đặt các phần mềm phục vụ quản lý điều hành, giải quyết thủ tục hành chính; các thiết bị ngoại vi như: máy in, máy Scan, camera hoạt động tốt... đảm bảo thực hiện giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến. 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận giải quyết hồ sơ, trả kết quả đúng quy trình theo đúng quy định.

- *Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên:* 03/03 xã đã công khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã. Tỷ lệ hồ sơ xử lý, giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 04 của 03 xã Đông Hưng, Đông Phú, Bảo Đài đạt 100%.

- *Thủ tục hành chính được giải quyết đảm bảo đúng quy định, không có trường hợp khiếu nại vượt cấp:* Có 100% thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- *Tự đánh giá: 03/03 xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về hành chính công.*

2.4.5. Về tiếp cận pháp luật

- *Chỉ tiêu có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận: 03/03 xã có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận và hoạt động có hiệu quả, đảm bảo theo quy định.*

- *Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành công: Năm 2022, trong các vụ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải phải hòa giải, các xã đều thực hiện hòa giải thành công. 03/03 xã đều có tỷ lệ đạt 100%.*

- *Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: 03/03 xã có người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đều được thực hiện theo đúng quy định.*

* *Đánh giá: 03/03 xã đạt chuẩn tiêu chí số 16 về tiếp cận pháp luật.*

2.4.4. Về môi trường

- *Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường: Hiện nay, trên địa bàn 03 xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có quy mô phải xây dựng hạ tầng về bảo vệ môi trường.*

- *Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh NTTS tại 03 xã là 08 cơ sở, trong đó có 08 cơ sở đảm bảo quy định về môi trường, đạt tỷ lệ 100%. Trên địa bàn 03 xã nông thôn mới nâng cao không có làng nghề. 08 cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng phải lập thủ tục BVMT, các cơ sở đều đã hoàn thành việc lập các hồ sơ trên trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận, xác nhận và thực hiện đúng các nội dung cam kết trong hồ sơ môi trường đã được phê duyệt, xác nhận, chấp thuận.*

- *Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo qui định đạt $\geq 98\%$:*

+ *Chất thải rắn sinh hoạt: 03/03 xã đều có phương án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt; đã thành lập 03 Tổ chuyên trách thu gom, xử lý rác thải của xã. Năm 2022, lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của 03 xã là 5.245,05 tấn/năm, lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom là 5.140,15 tấn /năm, đạt tỷ lệ 98%. Lượng chất thải sau thu gom từ các hộ dân được vận chuyển về các bãi rác tập trung của xã để xử lý bằng lò đốt công nghệ đảm bảo vệ sinh môi trường. Một phần được phân loại và bán tái chế cho các đơn vị có nhu cầu thu mua.*

+ *Chất thải rắn xây dựng: Chất thải rắn xây dựng được người dân và các chủ đầu tư thu gom, phân loại, một phần được tái sử dụng làm chất đốt, dụng cụ chứa, đưng, san lấp mặt bằng...; phần còn lại không có khả năng tái chế, tái sử*

dụng thì bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định. Năm 2022 tổng lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh trên địa bàn 03 xã khoảng 54,7 tấn/năm; thu gom, xử lý khoảng 54,7 tấn/ năm, đạt 100%.

+ Chất thải rắn nông nghiệp: Chất thải nông nghiệp thông thường là phụ phẩm từ các loại vỏ, thân, lá cây trồng sau thu hoạch được người dân tận dụng làm nấm, làm chất đốt, thức ăn cho gia súc hoặc xử lý ngay tại đồng ruộng, vườn sản xuất bằng các hình thức cày lật đất, ngâm ủ với chế phẩm sinh học làm phân bón. Năm 2022, tổng lượng phụ phẩm nông nghiệp phát sinh khoảng 219 tấn, lượng phụ phẩm được thu gom, xử lý là 219 tấn/ năm, đạt 100%.

Đối với chất thải rắn từ phân gia súc, gia cầm được các hộ chăn nuôi xử lý bằng hầm Biogas, ao lắng, hồ sinh học, sử dụng đệm lót sinh học. Đến nay, 100% trang trại trên địa bàn áp dụng công nghệ Biogas, đệm lót sinh học trong xử lý chất thải, đảm bảo vệ sinh môi trường; bao bì thức ăn chăn nuôi tại các trang trại, gia trại và hộ chăn nuôi sau sử dụng phần lớn được tái sử dụng, hạn chế nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Năm 2022, lượng phát sinh là 0,6 tấn; 6 tháng đầu năm 2023 phát sinh 0,3 tấn. Toàn bộ lượng chất thải công nghiệp được các cơ sở phân loại, lưu giữ và kí hợp đồng chuyển giao cho các đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tỷ lệ thu gom đạt 100%).

- *Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt $\geq 50\%$* : Đến nay, 8.120/8.120 hộ trên địa bàn 3 xã có hố ga riêng để xử lý nước thải phát sinh của gia đình bằng hệ thống bể tự hoại trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của khu dân cư, đạt 100%. 100% khu dân cư các xã có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực; không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng trong khu dân cư.

- *Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải tại nguồn đạt $\geq 50\%$* : UBND 03 xã đã xây dựng kế hoạch triển khai Đề án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và xử lý rác thải hữu cơ thành phân bón vi sinh tại hộ gia đình trên địa bàn. Đến nay, tỷ lệ hộ gia đình tham gia thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn 03 xã là 5.507/8.120 hộ, đạt 67,8%.

- *Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%*: UBND 03 xã thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn sử dụng bóng đèn led trong chiếu sáng thay cho bóng huỳnh quang. Chất thải rắn nguy hại phát sinh trên địa bàn 03 xã chủ yếu từ hoạt động sản xuất nông nghiệp (vỏ bao bì TBVTV) với tổng lượng phát sinh năm 2022 là 0,876 tấn, tổng lượng thu gom là 0,876 tấn đạt 100%. Toàn bộ lượng chất thải nguy hại được thu gom vào hố, bể thu gom vỏ bao bì thuốc BVTV tại các cánh đồng và được chuyển giao chuyên giao cho Công ty CP

xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình, địa chỉ tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang vận chuyển, xử lý theo Hợp đồng của Hội Liên hiệp Phụ Nữ huyện đã ký.

- *Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 80\%$* : 3/3 xã tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường đạt trên %, trong đó: xã Đông Phú đạt tỷ lệ 90,22%, xã Bảo Đài đạt tỷ lệ 100%, xã Đông Hưng đạt tỷ lệ 99,53%.

- *Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 75\%$* :

Trong những năm qua huyện và các xã đã tập trung chỉ đạo, thực hiện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn các văn bản quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường để các cơ sở chăn nuôi nắm bắt và chủ động thực hiện. Huyện và các xã đã thực hiện việc quy hoạch các vùng chăn nuôi đảm bảo theo các quy định để khuyến khích các tổ chức, cá nhân phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại, gia trại, từng bước giảm chăn nuôi trong khu dân cư để đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn. Hằng năm, chỉ đạo và thực hiện việc ký cam kết về đảm bảo vệ sinh môi trường đối với các cơ sở chăn nuôi ở các địa phương.

Đến nay, 03 xã đạt chuẩn NTM nâng cao có tổng số 32 cơ sở chăn nuôi (*Đông Hưng 13/13 cơ sở đạt 100%, Đông Phú 10/12 cơ sở đạt 83,33%, Bảo Đài 7/7 cơ sở đạt 100%*). Các cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường theo quy định đạt 94,44%.

- *Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật theo quy hoạch*:

03/03 xã nghĩa trang đều có trong quy hoạch chung xây dựng các xã; được các xã và nhân dân địa phương thường xuyên chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp như: Xây công; tường bao xung quanh; trồng cây xanh cách ly; đường vào khu nghĩa trang, hệ thống thoát nước được cứng hóa đảm bảo đi lại thuận tiện, công tác vệ sinh môi trường được thực hiện theo quy định đáp ứng nhu cầu mai táng của người dân. Đến nay, các xã đều xây dựng quy chế quản lý theo quy định; việc mai táng được thực hiện theo quy chế quản lý nghĩa trang, phù hợp với tín ngưỡng, phong tục tập quán, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- *Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 10\%$* : Trong 6 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn 03 xã có tổng số trường hợp tử vong là 56 trường hợp trong đó có 24 trường hợp sử dụng hình thức hỏa táng đạt tỷ lệ 42,8%.

- *Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4m^2/người$* : Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đối với 03 xã nâng cao (*Đông Phú, Bảo Đài, Đông Hưng*) đảm bảo đạt chuẩn theo quy

định, trong đó: xã Đông Phú 4,41m²/người; xã Bảo Đài 4,5m²/người; xã Đông Hưng 4,52m²/người.

- *Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt $\geq 50\%$* : Năm 2022, tổng lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn 03 xã khoảng 55,1 tấn/năm, lượng chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định là 37,3 tấn/năm đạt tỷ lệ 67,6%.

Tự đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường.

2.4.5. Về chất lượng môi trường

- *Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung*: Qua kết quả điều tra năm 2022, cả 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (Đông Phú, Bảo Đài, Đông Hưng) có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch có các thông số chất lượng nước đáp ứng quy chuẩn của Bộ Y tế hoặc quy chuẩn kỹ thuật địa phương do UBND tỉnh ban hành (*sử dụng nước qua máy lọc nước hộ gia đình*) là 7.892 hộ/8.239 hộ, đạt 95,8%. Trên địa bàn các xã trên có công trình cấp nước tập trung phục vụ sinh hoạt cho quy mô cấp xã; Xã Đông Hưng, Đông Phú là hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã Đông Hưng, Đông Phú; xã Bảo Đài là hệ thống cấp nước SHTT các xã Khám Lạng, Chu Điện, Phương Sơn.

- *Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 60 lít*: 3/3 xã được cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm trên 60 lít/người/ngày đêm, trong đó xã Đông Phú, Đông Hưng 60 lít/người/ngày đêm, Bảo Đài 65 lít/người/ngày đêm.

- *Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững*: 3/3 xã có công trình cấp nước tập trung được tổ chức quản lý khai thác hoạt động bền vững (Xã Đông Hưng, Đông Phú là hệ thống cấp nước sạch tập trung liên xã Đông Hưng, Đông Phú; xã Bảo Đài là hệ thống cấp nước SHTT các xã Khám Lạng, Chu Điện, Phương Sơn).

- *Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm*: Trên địa bàn 03 xã có 90 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (41 cơ sở thuộc cấp xã quản lý và 49 cơ sở thuộc cấp huyện quản lý), đã cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho 11 cơ sở, còn 79 cơ sở đã được ký cam kết sản xuất, kinh doanh an toàn, đạt 100%.

- *Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch*: Đến nay, 100% các hộ tại 03 xã có nhà tắm kín đáo, có tường và mái che; 100% số hộ có bể trữ nước sinh hoạt bằng bồn inox hoặc nhựa, có những gia đình xây bằng gạch và bê tông có dung tích giao động từ 1 - 5 m³/hộ đảm bảo có nơi lưu giữ nước sạch cho sinh hoạt. Kết quả này cho thấy đời sống vật chất của người dân được cải thiện thì nhận thức và trách nhiệm về vệ sinh môi trường càng được nâng cao, đáp ứng tiêu chí 3 sạch trong cuộc vận

động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam phát động.

Đến nay, tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh; thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch trên địa bàn 03 xã là 8.120/8.120 hộ, đạt 100%.

- *Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường*: Hiện nay trên địa bàn xã đã thực hiện xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng lò đốt công nghệ đảm bảo vệ sinh môi trường; không có bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt.

Đánh giá: 03/03 xã đạt tiêu chí số 18 về chất lượng môi trường.

2.4.6. Tiêu chí Quốc phòng và an ninh

- *Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân*: Hằng năm, 03 xã đều hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân, phát triển dân quân; hoàn thành 100% chỉ tiêu tập huấn, huấn luyện Dân quân tự vệ và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng-an ninh cho các đối tượng; 03/03 xã đạt 10 tiêu chuẩn xây dựng xã vững mạnh về quân sự quốc phòng địa phương gắn với xây dựng nông thôn mới; lực lượng dân quân tự vệ các xã được quan tâm xây dựng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng; chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã không ngừng được nâng lên.

- *Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy nổ) nghiêm trọng trở lên, có mô hình camera an ninh và mô hình (phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh, tổ quốc hoạt động thường xuyên hiệu quả*: Tình hình an ninh trật tự xã hội ở 03 xã nông thôn mới nâng cao được đảm bảo ổn định, các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác trên địa bàn đã được kiểm chế; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng; các xã đã lắp đặt camera an ninh và thực hiện các mô hình (phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy) gắn với phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Trên địa bàn 03 xã không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật; có 100% thôn, cơ quan và trường học của 03 xã đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” theo quy định.

- *Tự đánh giá: 03/03 xã đạt chuẩn tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh.*

(Kèm theo biểu số 03: Tổng hợp kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao)

3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

3.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn: Đạt

- Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt: ≥ 01 công trình.

b) Kết quả thực hiện

- Ngày 21/12/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1182/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Lục Nam đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000). Nội dung quy hoạch vùng huyện đã cập nhật, tích hợp vào quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đồ án quy hoạch vùng Lục Nam đã xác định các Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện đã được lồng ghép trong các khu chức năng như: Sản xuất công nghiệp (*tại cụm công nghiệp Lan Sơn*); đồng thời đã quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung tại các xã: Bảo Đài, Đông Hưng, Đông Phú, Tam Di, Nghĩa Phương, Cẩm Lý, Lục Sơn, Bình Sơn Trong đó tập trung sản xuất các nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh, của huyện ứng dụng công nghệ cao.

- Theo quy hoạch vùng huyện Lục Nam đến năm 2040 đã được phê duyệt có quy hoạch các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, trong đó các dự án đã và đang triển khai cụ thể như sau: Dự án tuyến đường kết nối QL 37 đi QL 31 (đoạn từ Cầu Sen đi Cầu Già Khê), thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam với chiều dài khoảng 5,6km; Xây dựng tuyến đường nối từ QL31 đi ĐT 293 (đoạn Phương Sơn-Yên Sơn) huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang với chiều dài 3km; Xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lục Nam; Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung các xã Khám Lạng, Chu Điện, Phương Sơn huyện Lục Nam với quy mô công suất 4.000m³/ngđ, đây được xác định là các công trình hạ tầng thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch vùng huyện được phê duyệt.

c) Tự đánh giá: Huyện Lục Nam đạt tiêu chí Quy hoạch theo Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

3.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu tiêu chí

- Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm.

- Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch: 100%.

- Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường $\geq 50\%$.

- Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo Quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên.

b) Kết quả thực hiện

- *Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm:* Trên địa bàn huyện có tổng cộng 07 tuyến đường, các tuyến đường huyện đều đầu tư xây dựng theo quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn, hàng năm đều được bảo trì đảm bảo kết nối thuận tiện đến 25/25 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- *Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch:* Huyện có 74,15/74,15km đã được cứng hóa (đạt 100%), đường được đầu tư xây dựng, nâng cấp đạt cấp kỹ thuật theo tiêu chuẩn TCVN 4054:2005; các tuyến đường huyện phù hợp với quy xây dựng vùng huyện tại Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000) và Quyết định phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã. 100% đường huyện có hệ thống cầu, cống được xây dựng kiên cố đạt tiêu chuẩn theo quy hoạch.

- *Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường:* UBND huyện đã tổ chức trồng cây các tuyến đường giao thông huyện, xã góp phần tạo cảnh quan môi trường xanh-sạch-đẹp. Đến nay, huyện đã có 46/74,15km đường huyện được trồng cây xanh toàn tuyến, đạt 62,04%.

- *Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên:* Trên địa bàn huyện hiện có Bến xe khách Lục Nam, đạt quy chuẩn bến xe khách loại 4, đảm bảo nhu cầu đi lại của hành khách và vận chuyển hàng hóa được cấp hoạt động tại Quyết định số 133/QĐ-SGTVT ngày 15/3/2023 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bắc Giang về việc công bố hoạt động của bến xe khách.

c) Tự đánh giá: Huyện Lục Nam đạt tiêu chí giao thông theo Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

3.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai

a) Yêu cầu tiêu chí

- Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch;

- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện

Hệ thống thủy lợi liên xã trên địa bàn huyện Lục Nam được phân cấp quản lý theo đúng quy định tại Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang, về quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Hệ thống thủy lợi liên xã được kết nối đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch. Hệ thống thủy lợi, đê bao được duy tu, sửa chữa thường xuyên phục vụ tốt cho công tác phòng

chống lụt bão, tiêu thoát nước và phục vụ sản xuất của người dân. Hằng năm, các tuyến đê được nâng cấp, kè bổ sung trước các mùa mưa bão. Các tuyến kênh mương nội đồng được nạo vét, đảm bảo thông thoáng thuận tiện cho việc tưới tiêu, thoát nước.

Trên địa bàn huyện có Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Bắc Sông Thương - Xí nghiệp Khai thác Công trình thủy lợi Lục Nam được thành lập theo Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang, hoạt động có hiệu quả, phục vụ tốt cho 100% diện tích sản xuất. Được giao quản lý 225,91 km kênh, trong đó: Kênh cấp I dài 48,21km (*hệ thống kênh Yên Lại dài 20,36 km, kênh tưới Bảo Sơn dài 15,1 km, kênh tiêu tự chảy Bảo Sơn 12,75 km*); Tổng chiều dài các tuyến kênh cấp II là 138,55 km. Tổng chiều dài các trục kênh tiêu Động lực là 39,15km (*Tiêu T1, T2 trạm bơm Khám Lạng là 3,2km; Các trục tiêu hệ trọng lực: Ngòi Bảo Đài (Ngòi Sen), Ngòi Quấn, Suối Gan với tổng chiều dài 35,95km*).

Có 11 hồ chứa loại vừa và nhỏ có dung tích hữu ích từ 500.000m³ đến 6,27 triệu m³; Bao gồm Hồ Khe Cát (*xã Trường Sơn*), hồ Khoanh Song (*xã Vô Tranh*), hồ Suối Mỡ, hồ Đá Cóc, hồ Khe Ráy (*xã Nghĩa Phương*), hồ Cửa Cóc (*xã Huyền Sơn*), hồ Ba Bãi (*xã Bảo Sơn*), hồ Cây Đa (*xã Tam Di - Đông Phú*), hồ Va Khê, hồ Chùa Ông (*xã Đông Phú*), hồ Suối Nứa (*xã Đông Phú- Đông Hưng*). 04 Trạm bơm với tổng số 31 tổ máy bơm, động cơ 33 kw. Trong đó: Trạm bơm Khám Lạng 20 tổ máy bơm tiêu và 04 tổ máy bơm tưới; Trạm bơm Cẩm Lý: 03 tổ máy bơm tưới; Trạm bơm Chợ Xa: 02 tổ máy bơm tưới; Trạm bơm Đồi Ngô: 02 tổ máy bơm tưới.

Đối với các công trình do UBND xã quản lý gồm kênh trục cấp 3, hệ thống kênh mương nội đồng, trạm bơm, trên cơ sở các công trình UBND xã giao cho Tổ hợp tác, HTX DVNN quản lý, khai thác sử dụng. Thực hiện Luật hợp tác xã năm 2012, đã thành lập 9 Tổ hợp tác và 14 HTX DVNN (*còn 02 đơn vị là Đông Phú và Phương Sơn không thành lập do Xí nghiệp quản lý trực tiếp*) trên địa bàn huyện đã sử dụng nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí và nguồn thu theo định mức kinh tế kỹ thuật của địa phương, tập trung tu bổ, sửa chữa, nâng cấp các công trình nhằm phát huy năng lực phục vụ của công trình. Hằng năm, các xã được tập huấn công tác vận hành quản lý hệ thống kênh, trạm bơm, công để các hợp tác xã thực hiện tốt công tác vận hành đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và PCTT.

Hàng năm, UBND huyện và các xã thành lập và thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT&TKCN theo quy định tại Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật phòng chống

thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện được thành lập theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 20/3/2023; được kiện toàn, bổ sung, thay đổi thành viên Ban Chỉ huy tại Quyết định số 1978/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 và Quyết định số 5444/QĐ-UBND ngày 08/9/2023; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. 100% số cán bộ cấp huyện tham gia trực tiếp công tác phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ. Bên cạnh đó, để hướng dẫn cho các ngành, các xã về công tác PCTT-TKCN; UBND huyện đã tổ chức hội nghị thông qua phương án PCTT-TKCN; xây dựng lịch tổ chức Kiểm tra công tác PCTT-TKCN tại các xã, thị trấn; tại hội nghị Kiểm tra, thành phần tham dự của cấp xã là Ban Chỉ huy PCTT-TKCN, lãnh đạo các thôn và các thành viên tổ công. Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn, huấn luyện nghiệp vụ cho 100% đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra;

Cơ sở hạ tầng thiết yếu của huyện đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai, bão lụt, 100% hộ dân trên địa bàn huyện đều có thiết bị nghe nhìn để tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai, bão lũ theo dự báo và khuyến cáo của các cơ quan chức năng. Các địa phương đã làm tốt công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các vụ vi phạm về đê điều, công trình thủy lợi trên địa bàn. Đến nay, huyện và 100% các xã trên địa bàn đều đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ, kịp thời xử lý và khắc phục các thiệt hại do thiên tai gây ra.

c) Tự đánh giá: Huyện Lục Nam đạt tiêu chí thủy lợi và phòng chống thiên tai theo Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

3.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu tiêu chí

Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống.

b) Kết quả thực hiện

- Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp đầu tư liên xã đảm bảo đạt thông số kỹ thuật, an toàn theo quy định tại Quyết định số 2332/QĐ-BCT ngày 07/11/2022 của Bộ Công thương; đảm bảo đồng bộ, đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối liên xã quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương và Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công thương.

- Trên địa bàn huyện hiện có 02 đơn vị đang thực hiện quản lý và kinh doanh điện, gồm Điện lực Lục Nam và HTX tiêu thụ điện thị trấn Phương Sơn. Tổng số trạm biến áp phân phối của huyện là 483 TBA với công suất 112.285kVA; 476,5km đường dây trung thế (35kV và 22kV); 1.278,4km đường dây hạ thế 0,4 kV đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống, một số tuyến đường dây điện ở trung tâm huyện, các khu đô thị, khu dân cư mới tại các xã đã được ngầm hóa, các đường điện còn lại đảm bảo an toàn hành lang và mỹ quan công trình.

Bằng các nguồn vốn đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), vốn vay từ các tổ chức quốc tế (Jica, REII, KFW,..) các dự án cải tạo nâng cấp, chống quá tải lưới điện hạ thế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nói chung và huyện Lục Nam nói riêng đã được triển khai thực hiện, đầu tư thay thế toàn bộ lưới điện cũ nát do nhân dân xây dựng trước đây và xây dựng các nhánh mới bằng dây nhôm AL vỏ bọc PVC an toàn, đúng quy chuẩn kỹ thuật. Kết quả từ năm 2016 đến nay đã cải tạo, thay thế 80,32km đường dây trung thế và xây dựng 135 trạm biến áp trên địa bàn huyện Lục Nam đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu điện sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của nhân dân

c) Tự đánh giá: Huyện Lục Nam đạt tiêu chí Điện theo Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

3.5. Tiêu chí số 5 về Y tế, Văn hóa, Giáo dục

a) Yêu cầu tiêu chí

- Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn;
- Trung tâm Văn hoá - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hoá - thể thao kết nối với các xã;
- Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên đạt $\geq 60\%$;
- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

b) Kết quả thực hiện

*** Về y tế:**

Trung tâm Y tế huyện Lục Nam là đơn vị hạng II trực thuộc Sở Y tế tỉnh Bắc Giang được thành lập theo Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang. Trong đó khối khám chữa bệnh (BVĐK cũ) được xếp

hạng II từ năm 2015 theo Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc xếp hạng II đối với Bệnh viện Đa khoa huyện Lục Nam. 25 trạm Y tế xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế.

*** Về văn hóa:**

Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Lục Nam được thành lập trên cơ sở sáp nhập giữa hai đơn vị (*Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện*) theo Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang. Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện được xây dựng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Thông tư số 11/2010/TT- BVHTTDL ngày 22/12/2010. Hiện nay có 22 cán bộ, viên chức; cơ cấu của Trung tâm gồm: Ban giám đốc (*gồm 01 giám đốc và 03 phó giám đốc*) và 03 phòng chuyên môn (*phòng Hành chính – tổng hợp, phòng Thông tin tuyên truyền, phòng Văn hoá – thể thao*). Các cán bộ, viên chức đều có trình độ chuyên đáp ứng yêu cầu công việc, thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao.

Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện có đủ các phòng làm việc, phòng chức năng và các phòng thi đấu, tập luyện. Có khu thể thao trong nhà, sân tennis, sân vận động trung tâm, Hội trường trung tâm, khu biểu diễn ngoài trời... đảm bảo đáp ứng các hoạt động hội họp, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao, giải trí cho cán bộ, nhân dân trên địa bàn huyện. Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện được trang bị 01 xe chuyên dụng đảm bảo phục vụ tốt công tác chuyên môn nghiệp vụ. Công trình thể dục thể thao bao gồm: 01 sân vận động huyện có diện tích trên 10.000 m², có sân khấu, khán đài; 02 nhà luyện tập và thi đấu thể thao diện tích trên 500m². Hội trường trung tâm diện tích 1.500m² có sức chứa 375 chỗ ngồi; có đầy đủ công trình phụ trợ, sân khấu phục vụ tập luyện và biểu diễn nghệ thuật trong nhà với diện tích 207m², có đầy đủ các trang thiết bị âm thanh, ánh sáng...

Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao kết nối với cơ sở có hiệu quả như: Mở các lớp bồi dưỡng, huấn luyện nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ nhà văn hóa, câu lạc bộ và hạt nhân phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền cổ động, đọc sách báo, giải trí, chiếu phim, câu lạc bộ, nhóm sở thích, lớp năng khiếu nghệ thuật theo nguyện vọng cho các đối tượng; tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, thi đấu và hướng dẫn phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao ở cơ sở; hướng dẫn việc bảo tồn, gìn giữ, phát huy loại hình nghệ thuật dân gian cho các câu lạc bộ hát dân ca quan họ, ca trù, chèo... trên địa bàn huyện.

*** Về giáo dục:**

Trên địa bàn huyện có 6 trường THPT, trong đó có 4 trường công lập (THPT Lục Nam, Phương Sơn, Cẩm Lý, Tứ Sơn) và 2 trường tư thục (Đồi Ngô, Thanh Lâm).

Đến nay, có 4/6 trường THPT đã được ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt Chuẩn Quốc gia đạt 66,7% (trường THPT Lục Nam tại Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 21/9/2020; trường THPT Tứ Sơn tại Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 21/9/2020; trường THPT Phương Sơn tại Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 11/5/2020; trường THPT Cẩm Lý tại Quyết định số 3519/QĐ-UBND ngày 29/12/2022).

Trường THPT Lục Nam có tổng diện tích đất là 27.027m², Năm học 2021-2022, trường có 42 lớp học với 1.764 học sinh. Trường có đầy đủ các phòng chuyên môn, phòng chức năng, có 01 phòng hoạt động Đoàn, 01 thư viện, 01 phòng truyền thống, có khu vệ sinh, nhà để xe cho giáo viên và học sinh, có hệ thống cấp thoát nước đảm bảo theo quy định. Hiện nay, cơ sở vật chất của nhà trường đạt Chuẩn Quốc gia.

Trường THPT Phương Sơn có tổng diện tích đất là 15.614m², với 30 phòng học; diện tích khu trụ sở làm việc 2383m², năm học 2021-2022 trường có 30 lớp học với 1.223 học sinh. Trường có đầy đủ các phòng chuyên môn, phòng chức năng, có 01 phòng hoạt động Đoàn, 01 thư viện, 01 phòng truyền thống, có khu vệ sinh, nhà để xe cho giáo viên và học sinh. Cơ sở vật chất của nhà trường đạt Chuẩn Quốc gia

Trường THPT Cẩm Lý: Trường có tổng diện tích đất là 12.860m². Năm học 2021-2022, trường có 30 lớp học với 1.159 học sinh. Trường có đầy đủ các phòng chuyên môn, phòng chức năng, có 01 phòng hoạt động Đoàn, 01 thư viện, 01 phòng truyền thống, có khu vệ sinh, nhà để xe cho giáo viên và học sinh, có hệ thống cấp thoát nước đảm bảo theo quy định. Cơ sở vật chất của nhà trường đạt Chuẩn Quốc gia.

Trường THPT Tứ Sơn: Trường có tổng diện tích đất là 19.165m². Năm học 2021-2022, trường có 30 lớp học với 1.161 học sinh. Trường có đầy đủ các phòng chuyên môn, phòng chức năng, có 01 phòng hoạt động Đoàn, 01 thư viện, 01 phòng truyền thống, có khu vệ sinh, nhà để xe cho giáo viên và học sinh, có hệ thống cấp thoát nước đảm bảo theo quy định. Cơ sở vật chất của nhà trường đạt Chuẩn Quốc gia.

Trường THPT Đồi Ngô: Trường có tổng diện tích đất là 3.659m². Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, năm học 2021-2022, trường có 11 lớp học với 443 học sinh.

Trường THPT Thanh Lâm: Trường có tổng diện tích đất là 6.225m². Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, năm học 2021-2022 trường có 11 lớp học với 466 học sinh.

- Chỉ tiêu 5.2. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Lục Nam đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 được công nhận tại Quyết định 304/QĐ- SGDDĐT, ngày 28/4/2023 của Giám đốc sở Giáo dục &ĐT tỉnh Bắc Giang.

Tự đánh giá: Huyện Lục Nam đạt tiêu chí Y tế - Văn hoá - Giáo dục theo Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

3.6. Tiêu chí số 6 - Kinh tế

a) Yêu cầu tiêu chí

- Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn;
- Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm;
- Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện;
- Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện

- Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn:

Đến nay, trên địa bàn huyện có 08 cụm công nghiệp với quy mô 381,21ha (trong đó có 04 cụm công nghiệp mới với diện tích 196,6 ha: *Cụm công nghiệp Lan Sơn 2 (75ha), Cụm công nghiệp Khám Lạng (40ha), Cụm công nghiệp Tiên Hưng (31,6ha), Cụm công nghiệp Phương Sơn, Đại Lâm (50ha)*); ngoài ra khu công nghiệp Yên Sơn, Bắc Lũng với quy mô 300ha đang được tỉnh lập chủ trương đầu tư. Các doanh nghiệp hoạt động ổn định, hiệu quả đã đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp của huyện, cơ cấu kinh tế của huyện chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp.

- Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm:

Chợ Thanh Xuân – thị trấn Đồi Ngô được hình thành từ năm 1985 (trước thuộc xã Chu Điện), đến năm 1997 thị trấn Đồi Ngô được thành lập và tiếp quản, thực hiện cải tạo nâng cấp vào năm 2014. Chợ có vị trí tại trung tâm huyện nằm trên tuyến phố Thanh Xuân, thị trấn Đồi Ngô, chợ hạng 2 với diện tích 6.484m², thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thị trấn Đồi Ngô; Ban quản lý chợ được

thành lập gồm 03 thành viên. Chợ được phê duyệt phương án phòng cháy chữa cháy, kinh doanh đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và an toàn giao thông.

Tổng số hộ kinh doanh 348 hộ, trong đó có 57 ký ốt, 291 quán bán hàng cố định và một số hộ kinh doanh không thường xuyên. Được bố trí riêng biệt các khu bán hàng rau quả, hàng ra dụng, thực phẩm tươi sống... Diện tích tối thiểu cho 1 điểm kinh doanh trong chợ >3m².

Công tác quản lý và hoạt động của chợ Thanh Xuân đi vào nề nếp, ổn định, hiệu quả hiệu quả và đảm bảo theo quy định.

- *Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện:*

Huyện quy hoạch các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng; các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đến nay, đã hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung như: vùng lúa chất lượng tập trung 700 ha tại các xã: Đông Hưng, Tam Di, Đan Hội, Cẩm Lý, Vũ Xá, Bắc Lũng, Yên Sơn, Khám Lạng...; vùng cây ăn quả trên 6.500 ha tại các xã: Lục Sơn, Bình Sơn, Trường Sơn, Vô Tranh, Nghĩa Phương, Trường Giang, Đông Hưng, Đông Phú, Huyền Sơn... , trong đó có vùng vùng vải thiều 3.500 ha (lớn thứ hai tỉnh), vùng sản xuất Na tại các xã: Huyền Sơn, Nghĩa Phương, Cương Sơn, Đông Phú với diện tích 1.500 ha (lớn nhất tỉnh), vùng sản xuất Dứa tại Bảo Sơn, Tam Di với diện tích 350 ha; vùng sản xuất rau an toàn, rau chế biến 1.800 ha tại các xã: Bảo Sơn, Thanh Lâm, Bảo Đài, Chu Điện, Tam Di, Đông Phú; vùng lạc tại xã Cẩm Lý, Bình Sơn, Vô Tranh...với diện tích trên 950 ha.

+ *Vùng liên kết sản xuất Nhãn tập trung:* Hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh với quy mô 150 ha, chủ yếu là giống Nhãn muộn, nhãn siêu ngọt, nhãn Miền thiết.... Năng suất trung bình 12,8 tấn/ha, sản lượng 1.920 tấn, doanh thu trung bình khoảng 48 tỷ đồng/năm. Vùng Nhãn được sản xuất tập trung theo vùng, gắn với xây dựng chuỗi sản xuất, cung ứng tiêu thụ sản phẩm an toàn, hiệu quả, bền vững, nâng cao đời sống nhân dân. Sản phẩm được Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp xã Lục Sơn liên kết và tiêu thụ phân phối tại các cửa hàng bán lẻ và hệ thống siêu thị trong và ngoài tỉnh.

+ *Vùng sản xuất Na xã Nghĩa Phương:* Hình thành vùng sản xuất tập trung chuyên canh, quy mô diện tích khoảng 50 ha, thực hiện địa bàn thôn 04 thôn (Suối Ván, Tó, Cầu Gạo, Kỳ Sơn) xã Nghĩa Phương. Năng suất ước đạt 8,0 tấn/ha, sản lượng đạt trên 400 tấn; giá bán trung bình 30.000 đồng/kg, doanh thu đạt 300 triệu đồng/ha. Mô hình được hỗ trợ cấp chứng nhận VietGAP; chứng nhận sản phẩm COP cấp tỉnh nên kiểm soát được an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm được thiết lập và phát huy hiệu quả, chủ động trong

việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế; Các nông hộ yên tâm sản xuất vì đã có nguồn tiêu thụ đầu ra ổn định bền vững.

+ *Vùng sản xuất gỗ tập trung*: UBND huyện Lục Nam được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt 03 vùng vùng sản xuất lâm nghiệp tập trung (vùng sản xuất gỗ nguyên liệu) tại Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 với tổng diện tích khoảng 14.400 ha.

+ *Vùng chăn nuôi*: Trên địa bàn huyện đã hình thành 16 vùng chăn nuôi tập trung (chăn nuôi lợn 03 vùng với 160.000 con; chăn nuôi gà 03 vùng 1.240.000 con; chăn nuôi trâu, bò 02 vùng với 9.500 con; chăn nuôi dê 02 vùng với 7.000 con; chăn nuôi ong 01 vùng với 50.000 đàn; nuôi trồng thủy sản 05 vùng với 380ha).

+ *Vùng thủy sản*: Trên địa bàn huyện đã hình thành 03 vùng nuôi trồng thủy sản (nuôi cá nước ngọt) tại 03 xã với tổng diện tích 230 ha gồm các xã: Đan Hội (100ha); Cẩm Lý (100ha); Bắc Lũng (30ha) mang giá trị kinh tế, thu nhập cao. Đã xây dựng 04 mô hình nuôi cá an toàn sinh học, sản xuất theo hướng VietGAP với quy mô 24 ha tại các xã Thanh Lâm, Bắc Lũng, Yên Sơn; có 13,8 ha tại xã Thanh Lâm, Yên Sơn được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP, thu nhập bình quân từ 100 triệu đến 120 triệu đồng/ha/năm.

** Có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện*

Hiện nay, trên địa bàn huyện có rất nhiều mô hình liên kết, tuy nhiên 4 mô hình được đánh giá hiệu quả, bền vững mang lại hiệu quả kinh tế cao, cụ thể:

+ *Mô hình liên kết sản xuất Nhãn Lục Sơn*

Mô hình được triển khai từ năm 2022, đơn vị chủ trì thực hiện là Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Lục Sơn, quy mô 20 ha, sản lượng 256 tấn/ năm. được triển khai tại Thôn Vĩnh Tân, xã Lục Sơn, với 28 hộ dân tham gia. Đến nay mô hình tiếp tục duy trì và mở rộng liên kết sang thôn khác trên địa bàn. Mô hình được hỗ trợ cấp chứng nhận VietGAP nên kiểm soát được an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm được thiết lập và phát huy hiệu quả, chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế.

Qua quá trình triển khai thực hiện mô hình Nhãn địa bàn huyện cho thấy khả năng sinh trưởng và phát triển của cây Nhãn rất tốt, phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương, đem lại năng suất, chất lượng cao. Góp phần gia tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích, nâng cao thu nhập của người dân quân đạt 250 triệu đồng/ha .

+ Mô hình liên kết sản xuất Dưa chuột

- Năm 2022, Hợp tác xã Dưa leo quê Lục Nam triển khai thực hiện dự liên kết sản xuất Dưa chuột trên địa bàn xã Đông Phú với 153 hộ tham gia, quy mô diện tích 20 ha, năng suất đạt 65 tấn/ha, sản lượng trên 1.300 tấn, thực hiện tại 06 thôn Đoàn Tùng, Gấn, Tân Tiến, Thanh Sơn, Trại Va và thôn Va xã Đông Phú, huyện Lục Nam. Mô hình có thể canh tác 3 vụ/năm, thu nhập dưa chuột bình quân đạt 190 triệu đồng/ha.

Dự án ban đầu thực hiện 20 ha, đến nay mở rộng lên 40 ha trên địa bàn toàn xã. Các hộ tham gia dự án ngoài được hỗ trợ giống, cây cắm còn được Hợp tác xã thu mua toàn bộ sản phẩm dưa. Được hỗ trợ cấp chứng nhận VietGAP, bao bì, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Đến nay sản phẩm Dưa chuột xã Đông Phú được đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa và là một trong 16 sản phẩm OCOP của huyện.

+ Mô hình liên kết sản xuất công nghệ cao trong nhà lưới

Mô hình được thực hiện tại Hợp tác xã công nghệ cao xã Tam Dị, quy mô 1 ha, được sản xuất chủ yếu trong hệ thống nhà lưới.

Mô hình áp dụng Công nghệ nhà lưới, nhà màng, hệ thống tưới phun sương, tưới nhỏ giọt, áp dụng cơ giới hóa khâu làm đất, gieo trồng, thu hoạch; sử dụng giống mới dưa lưới, dưa chuột có giá trị kinh tế cao, phân bón và thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học, sản xuất theo quy trình VietGAP, có hợp đồng liên kết với các doanh nghiệp, ...qua đó nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

Mô hình của Hợp tác xã công nghệ cao Tam Dị chủ yếu trồng Dưa lưới trồng trên giá thể 2-3 vụ/năm, cho năng suất từ 23-25 tấn/ha/vụ, doanh thu từ 700-850 triệu/ha/năm, lợi nhuận từ 350-500 triệu/ha/vụ, tăng từ 6-11 lần so với sản xuất thông thường (thu nhập 110 triệu đồng/ha/năm).

+ Mô hình liên kết sản xuất na dai

Mô hình được triển khai thực hiện năm 2022, tại HTX sản xuất na dai Lục Nam, quy mô 30 ha tại 03 thôn Liên Khuyên, Liên Giang và Hòn Ngọc xã Huyện Sơn, với 24 hộ sản xuất na trên địa bàn tham xã.

Các hộ tham gia được hỗ trợ tư vấn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; được tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, tiêu thụ; Hỗ trợ nhãn hiệu hàng hóa tập thể; Chỉ dẫn địa lý; hỗ trợ bao bì, tem truy xuất nguồn gốc và bao tiêu sản phẩm; chứng nhận sản phẩm VietGAP; sản phẩm OCOP;

Kết quả thu hoạch năng suất đạt 8,0 tấn/ha, sản lượng đạt trên 240 tấn; giá bán trung bình 30.000 đồng/kg, doanh thu đạt 300 triệu đồng/ha.

+ **Mô hình chăn nuôi gà tại xã Cẩm Lý:** triển khai thực hiện từ năm 2022 đến nay và được Hợp tác xã chăn nuôi gà Cẩm Lý thực hiện mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ gà thương phẩm, có 12 hộ tham gia; quy mô sản lượng khoảng 120 tấn/lứa. Mô hình áp dụng cho chăn gà thả vườn ở gia trại và trang trại theo hướng VietGAP. Mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ gà xã Cẩm Lý đã giải quyết được nhiều việc làm cho người lao động trên địa bàn. Giai đoạn đầu là các nông hộ và HTX tham gia liên kết, sau đó sẽ mở rộng thêm các nông hộ và trang trại khác trong vùng có nhu cầu và khả năng tham gia. Các nông hộ yên tâm chăn nuôi do được bao tiêu sản phẩm ổn định từ HTX và các doanh nghiệp liên kết. Ngoài ra các hộ còn được nâng cao kiến thức hiểu biết và thực hành về chăn nuôi gà theo hướng VietGAP, an toàn thực phẩm theo chuỗi của HTX và các Công ty liên kết; tạo ra các sản phẩm sạch, đảm bảo an toàn thực phẩm, xuất xứ nguồn gốc rõ ràng nhằm bảo vệ được sức khỏe, quyền lợi của người tiêu dùng; tạo việc làm cho người lao động với thu nhập bình quân cao hơn so với phương thức sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, tăng năng suất lao động; tiếp cận công nghệ kỹ thuật mới đặc biệt là các công nghệ về giống, thức ăn chăn nuôi, các loại vắc xin và kỹ thuật chăm sóc; các hộ tham gia áp dụng quy trình chăn nuôi đồng bộ, sử dụng thức ăn đúng tiêu chuẩn cho gà, nên việc sử dụng thuốc kháng sinh và việc tồn dư chất độc là không xảy ra, hầu như không tác động đến môi trường sinh thái. Sau một năm triển khai mô hình Doanh thu bình quân/1 lứa nuôi đạt 130.625.000 đồng, lợi nhuận đạt 26.125.000 đồng/lứa. Mức thu nhập này cao hơn nhiều so với các lĩnh vực khác trong sản xuất nông nghiệp. Mô hình tiếp tục được duy trì và mở rộng sang các xã lân cận trên địa bàn huyện, nâng cao thu nhập, làm giàu cho người dân.

- *Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả:*

Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp Lục Nam được thành lập theo Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thành lập Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp huyện Lục Nam; Quyết định 1167/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND huyện Lục Nam về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp trực thuộc UBND huyện Lục Nam; Quyết định 117/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của UBND huyện Lục Nam về việc ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp huyện Lục Nam. Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp huyện được cơ cấu tổ chức gồm: Ban giám đốc (*gồm giám đốc và 03 phó giám đốc*) và 03 phòng (*Phòng hành chính - Tổng hợp; chăn nuôi - Thú y; trồng trọt – Bảo vệ thực vật*). Hiện nay, có 13/15 biên chế.

Từ khi thành lập đến nay, Trung tâm dịch vụ-KTNN huyện Lục Nam luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và được UBND huyện Lục Nam tặng nhiều giấy khen. Trong hai năm 2021, 2022 Trung tâm Dịch vụ- Kỹ thuật nông nghiệp đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến theo Quyết định số 15985/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Quyết định số 8352/QĐ-UBND 23 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch UBND huyện Lục Nam.

c) Tự đánh giá: Huyện Lục Nam đạt tiêu chí Kinh tế theo Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

3.7. Tiêu chí số 7 - Môi trường

a) Yêu cầu tiêu chí

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh;

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: $\geq 40\%$;

- Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên;

- Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp;

- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu;

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt $\geq 2m^2$ /người;

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: $\geq 50\%$;

- Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh:

Hệ thống thu gom: Thực hiện Quyết số 25/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2010 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; UBND huyện Lục Nam xây dựng kế hoạch quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025; đến nay, 100% các xã, thị trấn đã thành lập được 16 tổ, đội chuyên trách, 11 HTX và 05 doanh nghiệp hoạt động thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và duy trì hiệu quả tổ thu gom rác thải sinh hoạt tại các thôn, khu dân cư trên địa bàn các xã, thị trấn. Qua việc thành lập và duy trì hiệu quả các tổ thu gom tại các thôn, khu dân cư và việc huy động toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, tham gia tổng vệ sinh môi trường trong các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm ngành..., kết quả công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt đã có chuyển biến tích cực qua từng năm.

Năm 2022, lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là 44.658,1 tấn/năm, lượng chất thải thu gom, xử lý 40.669,8 tấn/năm đạt tỷ lệ thu gom đạt khoảng 91%. Tỷ lệ rác thải thu gom được xử lý 94,2%; trong đó: tỷ lệ xử lý hợp vệ sinh đạt 58,8% (đốt bằng lò công nghệ 100%), tỷ lệ xử lý không hợp vệ sinh (chôn lấp thủ công và đốt lộ thiên 41,2%).

Thực tế lượng chất thải sinh hoạt phát sinh là rác hữu cơ phần lớn được các hộ gia đình ở nông xử lý tại hộ gia đình như tái sử dụng làm thức ăn cho vật nuôi hoặc bón cho cây trồng ... còn lại là chất thải có thể tái sử dụng được người dân phân loại tại nguồn để tái sử dụng hoặc bán cho các đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn.

Hệ thống xử lý: Lượng chất thải rắn sinh hoạt sau thu gom từ các hộ dân được vận chuyển về các khu xử lý rác thải tập trung của xã, cụm xã.

Hiện nay, toàn huyện có 21/25 xã, thị trấn bố trí được khu xử lý rác thải sinh hoạt theo xã và cụm xã. Riêng 04 xã, TT: Khám Lạng, Lan Mẫu, Yên Sơn, TT Phương Sơn không GPMB xây dựng mới khu xử lý rác thải tập trung của xã, trước mắt rác thải sinh hoạt của các khu dân cư tập trung của 04 xã được thu gom, xử lý tại khu xử lý rác thải của TT Đồi Ngô trong thời gian triển khai thực hiện dự án xây dựng nhà máy xử lý rác thải tập trung của huyện tại thôn Lan Hoa, xã Lan Mẫu. Có 07 khu được lắp đặt 10 lò đốt công nghệ, với tổng công suất xử lý 0,5 tấn/1 giờ (khoảng 60 tấn/ngày), 04 khu được xây dựng 04 lò xử lý rác thải thủ công, công suất 0,2 tấn/giờ và 01 dây chuyền phân loại tái chế rác thải sinh hoạt làm phân hữu cơ, với công suất vận hành tối đa 50 tấn/ngày.

Không thực hiện bố trí bãi chôn lấp mà các xã, thị trấn ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển rác thải sinh hoạt của địa phương đi xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn:

Giai đoạn 2015-2020, việc phân loại rác thải tại nguồn còn chưa được triển khai thực hiện trên địa bàn. Năm bắt được tầm quan trọng của công tác này từ

năm 2021, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và Đề án “*Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025*” ban hành kèm theo Quyết định số 1553/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang; UBND huyện ban hành Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 10/3/2022 về việc Tổ chức phân loại rác thải đầu nguồn trên địa bàn huyện, đồng thời UBND huyện đã phối hợp với Sở Tài nguyên & Môi trường, Hội Liên hiệp Phụ Nữ tỉnh tổ chức tập huấn và triển khai mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện; triển khai thực hiện thí điểm tại một số xã và nhân rộng toàn huyện. Để nâng cao hiệu quả thực hiện và góp phần xây dựng huyện nông thôn mới đạt tiêu chí về Môi trường, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 27/2/2023 về hoạt động thực hiện Đề án “*Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025*” năm 2023; kết quả thực hiện Đề án bước đầu đạt được những kết quả tích cực, cụ thể: Tháng 6/2023 trên địa bàn toàn huyện có 36.010/61.178 hộ tham gia phân loại rác thải đầu nguồn đạt tỷ lệ 58,86%.

- *Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên:*

Trên địa bàn huyện Lục Nam có mô hình xử lý tái sử dụng chất thải chăn nuôi bằng phương pháp xử lý chất thải từ chăn nuôi qua bể bioga. Mô hình được triển khai thực hiện bắt đầu từ năm 2019 theo Kế hoạch 379/KH-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2019; Kế hoạch số 333/KH-UBND ngày 03/02/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang, về Thực hiện chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2020; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 01/3/2019 về Kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ trên địa bàn huyện Lục Nam năm 2019. Đến nay, mô hình vẫn tiếp tục được nhân rộng trên địa bàn huyện. Tổng số hộ tham gia thực hiện mô hình là 100 hộ (*Có danh sách kèm theo*), các hộ được hỗ trợ một phần kinh phí xây lắp để thực hiện tại Quyết định số 7540/QĐ-UBND ngày 13/12/2019; Quyết định số 8184/QĐ-UBND ngày 22/12/2020. Khi đưa vào sử dụng được các cơ quan chuyên môn và UBND các xã tuyên truyền, giám sát các hộ chăn nuôi vận hành đúng quy trình việc xử lý môi trường có hiệu quả.

Mô hình xây dựng hầm bioga chủ yếu được triển khai xây dựng tại các hộ có quy mô chăn nuôi lớn, tập trung ở một số xã: Cẩm Lý, Thanh Lâm, Bảo Sơn, Chu Điện, Nghĩa Phương... Đối với các hộ chăn nuôi thực hiện xử lý chất thải chăn nuôi qua mô hình hầm Biogas trên địa bàn huyện đã mang lại nhiều lợi ích trong việc bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe con người và nâng cao nguồn thu

nhập cho người chăn nuôi. Các hộ chăn nuôi lớn sử dụng khí Biogas trong sinh hoạt, nấu ăn, nấu thức ăn cho gia súc... thay vì sử dụng gas, than, củi..., đồng thời tạo ra lượng phân hữu cơ đảm bảo chất lượng chăm sóc cây trồng.

- Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp:

Trên địa bàn huyện có 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại Khu dân cư số 2, Làn 2 Quốc lộ 31, TT Đồi Ngô, với công suất 385m³/ngày.đêm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả vận hành, đảm bảo phục vụ xử lý nước thải sinh hoạt cho cụm dân cư trong khu vực. Các hộ gia đình thực hiện ký cam kết chi trả phí dịch vụ thu gom và xử lý nước thải của các hộ gia đình đầu nối vào công trình trạm xử lý nước thải tại Khu dân cư số 2, Làn 2 Quốc lộ 31, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang..

- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu:

Hiện nay, trên địa bàn huyện có 04 cụm công nghiệp đã hình thành, trong đó có 02 CCN đang hoạt động (CCN Già Khê, CCN Đồi Ngô trên địa bàn TT Đồi Ngô), được hình thành từ trước ngày 05/10/2009 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 23/3/2011. Cụ thể:

+ Cụm CN Già Khê, thị trấn Đồi Ngô có 03 Công ty đang hoạt động, gồm: Công ty TNHH Khải Thừa Việt Nam được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy nhựa Khải Thừa- Lục Nam tại Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang, Công ty TNHH Khải Thần Việt Nam được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy nhựa Khải Thần - Việt Nam tại Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang và Công ty Cổ phần Giấy Mạnh Đạt được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất giấy Kraft tại Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang đều được cấp phép về môi trường. Có 02 dự án đã xây dựng công trình Trạm xử lý nước thải đạt cột A (Nhà máy nhựa Khải Thừa và Nhà máy nhựa Khải Thần), có 01 dự án đã xây dựng công trình xử lý nước thải đạt cột B (Giấy Mạnh Đạt).

+ Cụm CN thị trấn Đồi Ngô có 02 Công ty đang hoạt động, gồm: Công ty Cổ phần May Bắc Giang đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết “ Xí nghiệp may Lục Nam” tại Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 05/10/2012, đăng ký Kế hoạch Bảo vệ môi trường được Sở Tài nguyên & Môi trường xác nhận ngày 10/01/2022 tại xác nhận số 62/GXN-TNMT của Công ty CP tổng công ty may Bắc Giang LNG; Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hiệp Hưng được UBND huyện Lục Nam xác nhận Bản Cam kết bảo vệ môi trường của Dự án Xưởng sản xuất bông Y tế và may Công nghiệp. Trong cụm có 01 công trình xử lý nước thải của Công ty may Bắc Giang LNG đạt cột B, hiện đang có kế hoạch xây dựng, nâng cấp đạt cột A.

+ Cụm CN Vũ Xá có 01 Công ty đang đầu tư (đang trong quá trình xây dựng) đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Nhà máy nhiệt điện An Khánh Bắc Giang tại Quyết định số 285/QĐ-BTNMT ngày 02/3/2017 của Công ty cổ phần nhiệt điện An Khánh Bắc Giang. Cụm chưa hoạt động.

+ Cụm CN Lan Sơn có 01 Công ty đang đầu tư (đang trong quá trình xây dựng), đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm CN Lan Sơn và Nhà máy nhựa Khai Hồng Việt Nam tại Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh. Hiện nay, Cụm chưa hoạt động.

* Về làng nghề: Trên địa bàn huyện Lục Nam có 03 làng nghề (Cây cảnh thôn Tân Sơn, xã Bảo Sơn; Dệt thổ cẩm thôn Vĩnh Tân, xã Lục Sơn và Giấy gió thôn Vĩnh Tân, xã Lục Sơn).

+ Đối với làng nghề cây cảnh thôn Tân Sơn, xã Bảo Sơn:

Được công nhận tại Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc công nhận Làng nghề, tặng danh hiệu Nghề nhân, Thợ giỏi tỉnh Bắc Giang năm 2014. Đã có Phương án bảo vệ môi trường làng nghề được UBND huyện xác nhận tại Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 11/10/2019, được công nhận làng nghề từ năm 2014, nằm trên địa bàn xã Bảo Sơn; đến nay có tổng số hộ tham gia làng nghề là 100 hộ. Loại hình hoạt động: hoa cây cảnh dáng, thế... với số lượng 200 sản phẩm/năm và cây cảnh thời vụ: đào cảnh... (dịp Tết Nguyên đán) với số lượng từ 2.900 sản phẩm/năm.

Về công tác bảo vệ môi trường: Với đặc thù của làng nghề là trồng hoa và các loại cây cảnh do đó hoạt động của làng nghề không làm ảnh hưởng xấu đến môi trường mặt khác còn đem lại lợi ích thiết thực cho môi trường sinh thái, đặc biệt là cải thiện được chất lượng môi trường không khí, tạo cảnh quan đẹp cho đời sống dân cư trong địa bàn. Rác thải tại làng nghề chủ yếu là cành cây, lá cây phát sinh trong quá trình chăm sóc, cắt tỉa tạo thế cho cây cảnh... với khối lượng khoảng 50kg/ ngày được người dân thu gom, tận dụng làm chất đốt và lấy tro ủ làm phân hữu cơ để bón cho cây. Rác thải sinh hoạt được tổ thu gom rác của xã chịu trách nhiệm thu gom, xử lý. Nước thải tại làng nghề chủ yếu là nước thải sinh hoạt của các hộ dân trong làng được thu gom và xử lý theo quy mô hộ gia đình bằng phương pháp kỵ khí trong các bể phốt. Một phần nhỏ là nước thải của quá trình chăm sóc, tưới cây, nước mưa tràn mặt lượng nước thải này được xử lý theo phương pháp tự thấm phần còn lại được thu gom bằng hệ thống rãnh có xây dựng hố ga và song chắn rác trước khi cho chảy vào hệ thống tiêu thoát nước của khu vực. Từ khi làng nghề đi vào hoạt động đến nay, chưa có đơn thư, kiến nghị liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của làng nghề.

+ Đối với làng nghề Giấy gió và Dệt thổ cẩm thôn Vĩnh Ninh, xã Lục Sơn:

Được công nhận theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 02/11/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc cấp giấy chứng nhận làng nghề truyền thống và làng nghề: Đã có phương án bảo vệ môi trường làng nghề được UBND huyện

phê duyệt tại Quyết định số 3360/QĐ-UBND và 3361/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề Giấy gió và Dệt thổ cẩm thôn Vĩnh Ninh, xã Lục Sơn, huyện Lục Nam.

Về công tác bảo vệ môi trường: Hoạt động của làng nghề không có công đoạn ngâm tấy tre nứa lên việc sản xuất của các hộ dân không gây nguy hại đến môi trường nước, không khí. Rác thải tại làng nghề chủ yếu là cây tre, nứa, vỏ cây ... với khối lượng khoảng 0,01 tấn/ ngày được người dân thu gom, tận dụng làm chất đốt trong sinh hoạt hàng ngày. Rác thải sinh hoạt được tổ thu gom rác của xã chịu trách nhiệm thu gom, xử lý. Nước thải tại làng nghề chủ yếu là nước thải sinh hoạt của các hộ dân trong làng được thu gom và xử lý theo quy mô hộ gia đình bằng phương pháp kỵ khí trong các bể phốt trước khi cho chảy vào hệ thống tiêu thoát nước của khu vực. Từ khi làng nghề đi vào hoạt động đến nay, chưa có đơn thư, kiến nghị liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của làng nghề.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt $\geq 2m^2$ /người;

Thực hiện Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức phong trào “Tết trồng cây” và tăng cường công tác bảo vệ, phát triển rừng ngay từ đầu năm 2021; Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021- 2025. Hàng năm, UBND huyện đề ban hành các kế hoạch tổ chức “Tết trồng cây” trên địa bàn huyện.

Kết quả tự đánh giá: Diện tích đất cây xanh công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt 2,97 m²/người: đạt yêu cầu tiêu chí.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định:

Năm 2021, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025” ban hành kèm theo Quyết định số 1553/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang; UBND huyện ban hành Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 10/3/2022 về việc Tổ chức phân loại rác thải đầu nguồn trên địa bàn huyện, đồng thời UBND huyện đã phối hợp với Sở Tài nguyên & Môi trường, Hội Liên hiệp Phụ Nữ tỉnh tổ chức tập huấn và triển khai mô hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện. Qua việc triển khai mô hình, lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định tăng đáng kể.

Năm 2022, tổng lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn 23 xã và 02 thị trấn khoảng 1.095,2 tấn/năm, lượng chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định là 739,26 tấn/năm đạt tỷ lệ 67,5%.

- Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định:

Trên địa bàn huyện có 201 điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt tạm thời; tuy nhiên hiện nay rác thải sinh hoạt phát sinh tại các hộ gia đình được tổ, đội, đơn vị có chức năng thu gom trực tiếp tại các hộ gia đình và chuyên thẳng đến các khu xử lý rác thải tập trung của xã, cụm xã để xử lý. Do vậy, hầu hết các điểm tập kết CTR sinh hoạt đã dừng hoạt động. Trên địa bàn huyện không có điểm trung chuyển CTR sinh hoạt.

c) Tự đánh giá: Huyện Lục Nam đạt tiêu chí Môi trường.

3.8. Tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu tiêu chí

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung;

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt $\geq 35\%$;

- Có Kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện;

- Cảnh quan, không gian trên địa bàn huyện đảm bảo sáng- xanh- sạch- đẹp, an toàn;

- 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

b) Kết quả thực hiện

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung:

Đến nay, trên địa bàn huyện có tổng số 61.781 hộ, có 44.589 hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn kỹ thuật QCVN 01:2021/BG do UBND tỉnh Bắc Giang ban hành từ công trình cấp nước tập trung và công trình cấp nước nhỏ lẻ chiếm 72,43% trong đó: 13,38% (8.265 hộ) được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung, 59,05% (36.482 hộ) được sử dụng nước sạch công trình cấp nước nhỏ lẻ cụ thể:

+ Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang “Hệ thống cấp nước thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam” cung cấp dịch vụ nước sinh hoạt cho nhân dân 03 xã, thị trấn trên địa bàn huyện (thị trấn Đồi Ngô, xã Tam Dị, xã Tiên Nha);

+ Công ty TNHH Nước sạch Bạch Đằng - Bắc Giang “Hệ thống cấp nước SHTT xã Cương Sơn” cung cấp dịch vụ nước sinh hoạt cho nhân dân xã Cương Sơn và một phần nhân dân thị trấn Đồi Ngô;

+ Công ty CP Đầu tư và XD Thiên Bảo Sơn “Hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Lục Nam cũ ” nay là thị trấn Đồi Ngô.

+ Liên danh Công ty cổ phần tư vấn giám sát và kiểm định chất lượng công trình và Công ty cổ phần xây lắp và công nghệ Châu Âu đang thực hiện cấp nước từ công trình “Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung các xã Khám Lạng, Chu Điện và Phương Sơn huyện Lục Nam” cung cấp dịch vụ nước sinh hoạt cho nhân dân các xã Khám Lạng, Chu Điện, Thanh Lâm, Bảo Đài, Bảo Sơn và TT Phương Sơn;

Ngoài ra còn Hệ thống SHTT thôn Mương Làng, Suối Ván, xã Nghĩa Phương cấp nước cho nhân dân thôn Mương Làng, Suối ván của xã và Hệ SHTT xã Lục Sơn Thôn Văn Non, Đám Trì, Góc Dẻ, Đồng Vành 1, Đồng Vành 2 của xã Lục Sơn.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt $\geq 35\%$:

Trên địa bàn huyện có 17 công trình cấp nước tập trung trong đó có 06 nhà máy có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt 35,3%.

- Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện:

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước, bảo vệ nguồn nước ngọt sông Lục Nam trên địa bàn huyện theo chỉ đạo của UBND tỉnh Bắc Giang.

Hằng tháng nhà máy nước...có lấy mẫu phân tích chất lượng nước mặt sông Lục Nam để phục vụ mục đích cấp nước trên địa bàn. Hằng năm, Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh, UBND huyện Lục Nam đều có kế hoạch và triển khai thực hiện quan trắc phân tích chất lượng nước mặt tại các tuyến sông trên địa bàn huyện Lục Nam.

- Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn:

Hằng năm, UBND huyện đều chỉ đạo UBND các xã, thị trấn triển khai kế hoạch xây dựng chỉnh trang cảnh quan môi trường trên địa bàn cắt tỉa cây xanh, cỏ ven đường; trồng thêm cây xanh, tuyến đường hoa; tu bổ, sơn sửa các công trình phúc lợi xã hội; chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể, cụm dân cư các thôn, xóm tổ chức dọn vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh, cụ thể:

Duy trì hoạt động ra quân vệ sinh môi trường: Định kỳ ngày 17 hàng tháng, Chi hội phụ nữ các thôn, bản, tổ dân phố ra quân tổng vệ sinh môi trường nơi công cộng, đường làng, ngõ xóm; trồng chăm sóc cây xanh, đường hoa...

Mỗi năm đều phát động tổ chức từ 2 đến 5 đợt phát động tổng vệ sinh môi trường quy mô toàn huyện, thu hút đông đảo người dân tham gia, trong các đợt phát động, ngày vệ sinh môi trường nông thôn hàng tháng 100% các xã đều huy động lực lượng tổ chức thực hiện các hoạt động dọn dẹp, phát quang bụi rậm, tổng vệ sinh môi trường, đường làng, ngõ xóm, khơi thông cống rãnh ... Phòng Tài nguyên và Môi trường đã chủ động phân công cán bộ,

công chức của phòng thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các địa phương trong việc triển khai các hoạt động trong các đợt phát động, các ngày tổng vệ sinh môi trường. Đến nay, công tác vệ sinh môi trường khu vực nông thôn đã có chuyển biến tích cực, đảm bảo đường làng, ngõ xóm xanh - sạch - đẹp.

Nước thải sinh hoạt: 100% các hộ đều có hố ga riêng để xử lý nước thải phát sinh của gia đình. 100% khu dân cư các xã, các cơ sở sản xuất kinh doanh có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực; không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng trong khu dân cư. 100% hương ước, quy ước các thôn, xóm đều có nội dung về bảo vệ môi trường.

c) Tự đánh giá: Huyện Lục Nam đạt tiêu chí Chất lượng môi trường sống

3.9. Tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công

a) Yêu cầu tiêu chí

- Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

- 100% tổ chức chính trị- xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

- Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Đảm bảo an ninh, trật tự;

- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên;

- Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

b) Kết quả thực hiện

- Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên:

+ Đảng bộ huyện: Năm 2022 được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang đánh giá xếp loại chất lượng “hoàn thành tốt nhiệm vụ” tại Kết luận số 192-KL/TU ngày 05/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về việc đánh giá xếp loại chất lượng đảng bộ, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện năm 2022 và phê duyệt đăng ký xếp loại chất lượng năm 2023.

+ Chính quyền huyện: Năm 2022 được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị trong thi hành công vụ năm 2022, người đứng đầu và Ủy ban nhân dân huyện được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ tại Quyết định số 3542/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Các tổ chức chính trị xã hội: Trong năm 2022, Ủy ban MTTQ huyện và các tổ chức chính trị - xã hội của huyện được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng mức “hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, cụ thể: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được Ủy ban MTTQ

tỉnh Bắc Giang tặng Cờ thi đua xuất sắc năm 2022; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh huyện được BTV tỉnh đoàn công nhận danh hiệu thi đua “Đơn vị xuất sắc công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi” năm 2022; Hội Liên hiệp phụ nữ huyện được Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh đánh giá xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2022; Hội Nông dân huyện được Ban thường vụ Hội Nông dân tỉnh công nhận danh hiệu thi đua “Vững mạnh xuất sắc” năm 2022; Hội Cựu chiến binh huyện được bằng khen của Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh và được đánh giá xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” công tác Hội năm 2022 và Liên đoàn Lao động huyện được Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng cờ thi đua xuất sắc toàn diện, được Ban thường vụ LĐLĐ tỉnh đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

- Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự: Trong 02 năm 2021, 2022 công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của huyện đều được đánh giá ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đảm bảo an ninh, trật tự:

Hằng năm, Huyện ủy ban hành Nghị quyết, UBND huyện xây dựng kế hoạch về công tác đảm bảo ANTT trên địa bàn xã, huyện. Trên địa bàn các xã không xảy ra các hoạt động như: Phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, an ninh - quốc phòng; hoạt động tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật, hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự; không có khiếu kiện đông người; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

Trên địa bàn xã không có công dân cư trú phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm tội về xâm hại trẻ em theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; tình hình loại tội phạm, phạm pháp hình sự trên địa bàn các xã đều ổn định, phạm pháp hình sự đều được giảm so với năm 2021. Lực lượng Công an từ huyện đến các xã xây dựng mới nhiều mô hình trong phòng chống tội phạm. Đến nay, trên địa bàn toàn huyện, đã xây dựng các mô hình phòng, chống tội phạm như: Chốt dân phòng đảm bảo an ninh trật tự, Camera an ninh.

Năm 2021, 2022 Công an huyện đều hoàn thành tốt nhiệm vụ (*năm 2021 đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến; năm 2022 đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến*).

Công an huyện được các cấp khen thưởng từ năm 2021 đến nay:

- + Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: 01.
- + Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công an: 02.
- + Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh: 03.

+ Giấy khen của Giám đốc Công an tỉnh: 06.

- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên:

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện và cấp xã thường xuyên sử dụng Hệ thống Một cửa điện tử liên thông tỉnh Bắc Giang và Cổng dịch vụ công tỉnh Bắc Giang để tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC.

+ Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (*DVC TT một phần*) trở lên, theo Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang: Dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện là 136 dịch vụ (*62 dịch vụ công trực tuyến một phần; 74 dịch vụ công trực tuyến toàn trình*), Dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã là 63 dịch vụ (*23 dịch vụ công trực tuyến một phần; 40 dịch vụ công trực tuyến toàn trình*).

+ Triển khai có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: 55% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

+ Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được cập nhật, xử lý trên hệ thống phần mềm đảm bảo đúng quy định.

+ Cập nhật 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống một cửa và dịch vụ công trực tuyến thành phố. 100% giao dịch trên hệ thống Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến thành phố được xác thực điện tử.

+ 25 xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều triển khai tiếp nhận hồ sơ trực tuyến đảm bảo tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 (*dịch vụ công trực tuyến một phần*) trở lên theo quy định, từ 84% trở lên.

- *Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định:*

Công tác xây dựng xã, huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được tập trung chỉ đạo, hàng năm UBND huyện ban hành Kế hoạch về công tác phổ biến pháp luật; hoà giải cơ sở; xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; triển khai tập huấn công tác đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho cán bộ cơ sở. Kết quả năm 2022 có 100% xã, thị trấn trên đại bàn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền cấp huyện bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm luật trong thị hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

c) *Tự đánh giá:* Huyện Lục Nam đạt tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công.

V. TÌNH HÌNH NỢ XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới. Trong những năm qua,

huyện Lục Nam đã chủ động chỉ đạo các xã, cơ quan, đơn vị trên cơ sở đa dạng hóa nguồn vốn huy động, xây dựng kế hoạch đầu tư các công trình theo thứ tự ưu tiên, đảm bảo không còn nợ xây dựng cơ bản. Tính đến thời điểm hiện nay, huyện không còn nợ xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã làm được

- Sau gần 13 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Lục Nam đã giành được kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được tập trung cao có trọng tâm, trọng điểm, phát huy vai trò chủ thể của người dân. Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, quy chế dân chủ được phát huy sâu rộng trong nhân dân. Các chủ trương, chế độ chính sách được triển khai kịp thời. Nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở các địa phương trong huyện chuyển biến tích cực chủ động tham gia tích cực xây dựng nông thôn mới, đã trở thành phong trào rộng khắp trong toàn huyện, nhân dân đã hiến đất để cải tạo, mở rộng đường giao thông, thủy lợi, cơ sở vật chất văn hóa, trường học...

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội luôn được quan tâm đầu tư xây dựng, diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều khởi sắc. Nhiều dự án được triển khai thực hiện và đưa vào sử dụng: Đường tỉnh 293; Các Cụm công nghiệp; Trụ sở các xã; Đường vào trung tâm các xã,... thương mại dịch vụ có bước chuyển biến tích cực. Các lĩnh vực dịch vụ: Vận tải, bưu chính, viễn thông, tài chính ngân hàng tiếp tục phát triển phục vụ tốt nhu cầu xã hội.

- Các lĩnh vực văn hoá, y tế, giáo dục phát triển toàn diện, quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện tốt; an ninh trật tự xã hội được tăng cường và ổn định; hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao, tình làng nghĩa xóm được khơi dậy, các giá trị văn hoá truyền thống được duy trì và phát huy.

- Huy động nguồn lực đạt kết quả cao, nợ đọng xây dựng nông thôn mới được xử lý; nhiều cơ chế hỗ trợ đã phát huy hiệu quả góp phần xây dựng nông thôn mới bền vững. Huyện có 100% các xã đạt chuẩn nông thôn mới, 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 14 thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu, hoàn thành 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của huyện; triển khai thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp chưa đi vào chiều sâu, nhất là chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi sản xuất theo hướng hiện đại, liên kết theo chuỗi giá trị; giá trị ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế; công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ tuy phát triển nhưng quy mô sản xuất còn nhỏ, sức cạnh tranh thấp; chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động chưa cao.

- Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn mặc dù đã được quan tâm đầu tư nâng cấp, cơ bản đồng bộ đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân; tuy nhiên, một số nội dung cần phải tiếp tục đầu tư để đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao như giao thông, thủy lợi, trường học.

- Cảnh quan môi trường nông thôn đã được quan tâm, song vẫn còn thiếu nhiều cây xanh ở nơi công cộng, khu dân cư; hiện tượng lấn chiếm lòng đường, vỉa hè vẫn còn diễn ra.

- Tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn vẫn còn diễn ra ở một số nơi, nhất là ở các khu đông dân cư. Chất thải sinh hoạt, nước thải khu dân cư chưa được xử lý triệt để, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Mô hình sản xuất nông nghiệp tập trung chưa nhiều vẫn còn sản xuất nhỏ lẻ, manh mún. Hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường cho các sản phẩm chủ lực còn hạn chế. Vai trò và sự tham gia của các doanh nghiệp, HTX trong việc đầu tư sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp còn hạn chế, chưa có nhiều mô hình sản xuất gắn với liên kết bao tiêu sản phẩm đầu ra.

- Việc làm, thu nhập và đời sống của một bộ phận nhân dân ở các vùng nông thôn vẫn còn khó khăn.

2.2. Nguyên nhân của tồn tại hạn chế

* Về khách quan:

- Thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến việc duy trì nâng cao các tiêu chí về hạ tầng kinh tế-xã hội, thu nhập, hộ nghèo, môi trường.

- Xuất phát điểm kinh tế-xã hội của huyện thấp, nguồn lực đầu tư có hạn; trong khi địa bàn các xã rộng, nhu cầu nguồn lực đầu tư rất lớn (đặc biệt là các xã khó khăn); trình độ và năng lực quản lý của một số cán bộ còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

* Về chủ quan:

- Cấp ủy, chính quyền một số địa phương chưa thực sự quyết liệt, chủ động, sáng tạo, sâu sát trong lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện Chương trình.

- Công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân về Chương trình xây dựng nông thôn mới còn chưa đầy đủ và toàn diện. Ý thức bảo vệ môi trường của người dân trong một số khu sản xuất chăn nuôi còn hạn chế.

- Các HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện chủ yếu mới thành lập hoặc chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhỏ lẻ, chưa phát huy được vai trò liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

- Công tác phối hợp trong quá trình triển khai, thực hiện xây dựng nông thôn mới ở một số cơ quan, đơn vị chưa tốt.

- Bộ máy quản lý, điều hành giúp việc tuy đã được thành lập ở các cấp, tuy nhiên cán bộ còn kiêm nhiệm nhiều việc nên tham mưu đôi lúc còn chưa kịp thời. Trình độ năng lực chuyên môn của một số cán bộ tham mưu thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới còn hạn chế.

3. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất: Phải có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên sâu sát, quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền, sự tham gia tích cực và phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể; tăng cường kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên trong tổ chức thực hiện.

Thứ hai: Phải làm tốt công tác tuyên truyền để mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng đắn mục đích, ý nghĩa của xây dựng NTM. Xác định rõ người dân là chủ thể để xây dựng NTM và đối tượng hưởng lợi chính là cộng đồng dân cư khu vực nông thôn, nhà nước chỉ đóng vai trò định hướng, chỉ đạo và có cơ chế hỗ trợ một phần. Phát huy tốt vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị- xã hội. Phối hợp tốt với các lực lượng quân đội trên địa bàn làm công tác dân vận, giúp các xã xây dựng nông thôn mới. Phải có phân công giao nhiệm vụ cụ thể cho mỗi cơ quan, tổ chức đoàn thể tham gia xây dựng nông thôn mới. Nêu cao vai trò gương mẫu của người đứng đầu, của cán bộ, đảng viên.

Thứ ba: Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, dân chủ từ việc xây dựng đề án quy hoạch đến xây dựng đề án, xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện. Đặc biệt phải công khai minh bạch rõ các nguồn vốn để nhân dân được biết và chủ động tham gia đóng góp, thực hiện tốt vai trò giám sát của cộng đồng.

Thứ tư: Phát huy tinh thần sáng tạo của nhân dân, khuyến khích, huy động tối đa sự hỗ trợ, đóng góp của doanh nghiệp, cá nhân tạo nguồn lực thực hiện xây dựng nông thôn mới; thực hiện tốt phong trào “*Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới*” để kích lệ mọi tầng lớp nhân dân tham gia hiến đất, tài sản và đóng góp công sức, kinh phí... xây dựng nông thôn mới.

Thứ năm: Tập trung công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong xây dựng nông thôn mới: Chú trọng công tác xây dựng và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nòng cốt ở các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở, cán bộ chuyên trách nông thôn mới, bí thư chi bộ, trưởng thôn.

Thứ sáu: Thường xuyên kiểm tra, giám sát trong xây dựng nông thôn mới, coi đây là việc làm thường xuyên, liên tục. Gắn trách nhiệm của tập thể, cá nhân người đứng đầu trong xây dựng nông thôn mới. Kịp thời biểu dương, nhân rộng những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, cách làm hay, sáng tạo trong tham gia xây dựng nông thôn mới.

4. Những mô hình nông thôn mới tiêu biểu

4.1. Mô hình sản xuất hàng hoá tập trung “nhân muện Lục Sơn”

Mô hình được triển khai từ năm 2022, đơn vị chủ trì thực hiện là Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Lục Sơn, quy mô 20 ha, được triển khai tại Thôn Vĩnh Tân, xã Lục Sơn, với 28 hộ dân tham gia. Khi tham gia mô hình các hộ được hỗ trợ tư vấn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; được tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, tiêu thụ; Hỗ trợ nhãn hiệu hàng hóa tập thể; hỗ trợ bao bì, tem truy xuất nguồn gốc và bao tiêu sản phẩm; chứng nhận sản phẩm VietGAP; sản phẩm OCOP; cấp mã vùng trồng xuất khẩu....Các hộ dân tham gia vào chuỗi liên kết sản xuất sản phẩm một cách bền vững, sản phẩm được sản xuất theo kế hoạch với số lượng lớn, tập trung. Vì vậy, các khâu dịch vụ đầu vào như: Giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và vật tư được mua với quy mô lớn nên hạ được giá mua đầu vào dẫn tới giảm được chi phí sản xuất. Đồng thời, việc tiêu thụ sản phẩm giá cả ổn định và cao hơn nên nâng cao giá trị gia tăng trên 1 đơn vị diện tích, mang lại lợi nhuận cao hơn cho các bên tham gia liên kết.

Kết quả thu hoạch năng suất đạt 12,8 tấn/ha, sản lượng đạt trên 256 tấn. Qua quá trình triển khai thực hiện mô hình Nhãn địa bàn huyện cho thấy khả năng sinh trưởng và phát triển của cây Nhãn rất tốt, phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương, đem lại năng suất, chất lượng cao, tăng giá trị sản xuất đạt 250 triệu đồng/ha. Góp phần nâng cao thu nhập cho người dân. . Mô hình được hỗ trợ cấp chứng nhận VietGAP nên kiểm soát được an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm được thiết lập và phát huy hiệu quả, chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế; Các nông hộ yên tâm sản xuất vì đã có nguồn tiêu thụ đầu ra ổn định và bền vững. Đến nay, mô hình được mở rộng quy mô thêm 30 ha sang thôn Đèo Quạt, thúc đẩy phong trào sản xuất tích cực, hiệu quả trong nhân dân.

4.2. Mô hình liên kết sản xuất na dai theo tiêu chuẩn VietGap

Na Lục Nam được coi là cây ăn quả đặc sản của huyện Lục Nam với diện tích na toàn huyện đạt 1.750 ha. Lục Nam đã trở thành địa phương có diện tích trồng na tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa lớn nhất tỉnh Bắc Giang. Trong những năm gần đây cây na Lục Nam trở thành cây kinh tế mũi nhọn, là cây làm giàu cho người dân trên địa bàn huyện Lục Nam. Diện tích được trồng tập trung các xã Huyền Sơn, Nghĩa Phương, Đông Phú, Cương Sơn... Sản lượng ước đạt 14.705 tấn quả/năm. Năm 2020, Cục sở hữu trí tuệ Cấp Giấy chứng nhận Chỉ dẫn địa lý “Lục Nam” theo Quyết định số 2806/QĐ-SHTT cho sản phẩm Na dai, đến nay sản phẩm Na Lục Nam được đánh giá sản phẩm OSCP 3 sao cấp tỉnh, có logo, nhãn hiệu tập thể, mã QR code, bao bì sản phẩm riêng

Trong những năm gần đây nhận thức của người dân được nâng lên, đa số họ hướng tới sản xuất na đảm bảo tiêu chuẩn VietGap, nâng cao giá trị sản xuất, thu nhập của người dân từ sản xuất na dai. Mô hình liên kết sản xuất na được thực hiện liên kết sản xuất bởi HTX sản xuất na dai Lục Nam, quy mô 30 ha tại 03 thôn Liên

Khuyên, Liên Giang và Hòn Ngọc xã Huyền Sơn, với 24 hộ sản xuất. Các hộ tham gia được hỗ trợ tư vấn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; được tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, tiêu thụ; Hỗ trợ nhãn hiệu hàng hóa tập thể; Chỉ dẫn địa lý; hỗ trợ bao bì, tem truy xuất nguồn gốc và bao tiêu sản phẩm; chứng nhận sản phẩm VietGAP; sản phẩm OCOP; Kết quả thu hoạch năng suất đạt 8,0 tấn/ha, sản lượng đạt trên 240 tấn; giá bán trung bình 30.000 đồng/kg, doanh thu đạt 300 triệu đồng/ha. Mô hình góp phần nâng cao thu nhập của người dân. Đến nay, sản phẩm na được hỗ trợ cấp chứng nhận VietGAP; chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh nên kiểm soát được an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm được thiết lập và phát huy hiệu quả, chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế; Các nông hộ yên tâm sản xuất vì đã có nguồn tiêu thụ đầu ra ổn định và bền vững. Đến nay, mô hình sản xuất na được nhân rộng ra các thôn, xã khác trên địa bàn huyện như Đông Phú, Nghĩa Phương...

4.3. Mô hình tự quản về an ninh trật tự

Để tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn huyện đã chỉ đạo và triển khai 417 mô hình tự quản an ninh trật tự và tổ chức quần chúng duy trì hoạt động 1803; tiến hành lắp đặt 600 mắt camera an ninh trên địa bàn các xã, thị trấn; với tổng kinh phí trên 2,6 tỷ đồng (*do xã hội hoá và nhân dân đóng góp*). Các mô hình tự quản, tổ tự quản về an ninh trật tự gắn với cụm camera an ninh đã góp phần tích cực vào công tác tuyên truyền, phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm đảm bảo an ninh trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; một số mô hình hoạt động tại các xã: Tổ an ninh nhân dân Thôn Dùm, xã Nghĩa Phương; Tổ liên gia tự quản "Tiếng keng an ninh" thôn Đông, xã Bảo Đài; Mô hình "Dòng họ tự quản" của dòng họ Phạm Đức, thôn An Nguyễn, xã Cương Sơn; Mô hình "Tổ liên gia Công giáo bảo đảm ANTT" xã Tam Dị... đã được Giám đốc Công an tỉnh đánh giá và công nhận góp phần vào việc giảm các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và ma túy, tổ chức triệt phá thành công các vụ vi phạm pháp luật trên địa bàn. Kết quả đến nay, tỷ lệ giảm so với cùng kỳ năm 2022: Phạm pháp hình sự xảy 51 vụ, giảm 07 vụ; tai nạn giao thông xảy ra 19 vụ, 09 người chết, 17 người bị thương (không tăng, không giảm so với cùng kỳ năm 2022); cháy, nổ trên địa bàn huyện không xảy ra.

4.3. Mô hình nuôi cá nước ngọt theo tiêu chuẩn VietGap

Trên địa bàn huyện có tổng diện tích thủy sản huyện Lục Nam 1.796 ha sản lượng 27.500 tấn năng suất bình quân 15,3 tấn/ha. Đến nay, đã hình thành 05 vùng nuôi trồng thủy sản (nuôi cá nước ngọt) tại 03 xã với tổng diện tích 230 ha gồm các xã: Đan Hội (100ha); Cẩm Lý (100ha); Bắc Lũng (30ha) mang giá trị kinh tế, thu nhập cao.

Trong những năm gần đây, trên địa bàn huyện phát triển nuôi các nước ngọt theo hướng an toàn sinh học, đã đem lại hiệu quả kinh tế cao. Toàn huyện có 04 mô hình nuôi cá an toàn sinh học, sản xuất theo hướng VietGAP với quy mô

24 ha tại các xã Thanh Lâm, Bắc Lũng, Yên Sơn; có 13,8 ha tại xã Thanh Lâm, Yên Sơn, thu nhập bình quân từ 100 triệu đến 120 triệu đồng/ha/năm. Mô hình bắt đầu thực hiện từ năm 2022 với tổng số 28 hộ tham gia. Đến nay, mô hình tiếp tục được nhân rộng ra các xã khác.

VII. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

1. Quan điểm

Quan triệ̄t quan điể̄m: “*Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là chiến lược, xây dựng nông thôn mới là căn bản, tái cơ cấu nông nghiệp là then chốt, người nông dân là chủ thể*” và “*Xây dựng nông thôn mới là quá trình liên tục, lâu dài, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc*”. Trong thời gian tới, huyện tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí huyện nông thôn mới trong quá trình đô thị hoá, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao để phát triển nông nghiệp bền vững; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

2. Mục tiêu

- Tiếp tục duy trì nâng cao chất lượng các tiêu chí huyện nông thôn mới; đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa, tinh thần của nhân dân. Từng bước phấn đấu xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới với phương châm phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững. Phấn đấu đến năm 2025, toàn huyện có 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; xây dựng được 20-25 thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, phấn đấu đến hết năm 2025 thu nhập bình quân đầu người của huyện đạt 68 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên 99%. Có 100% trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải 100%; tỷ lệ khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn đạt 100%; tỷ lệ người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đạt trên 35%.

- Phát triển trồng trọt, chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp đảm bảo tốc độ tăng trưởng bình quân 4-6%/năm, giá trị sản phẩm trên lha đất nông nghiệp năm 2025 đạt 130 triệu đồng. Tập trung đưa chương trình Nông nghiệp công nghệ cao, mô hình liên kết "4 nhà" nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản xuất trong nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Đẩy mạnh phát triển du lịch, dịch vụ gắn với phát huy tiềm năng, khơi dậy các giá trị văn hóa truyền thống; góp phần thúc đẩy kinh tế-xã hội phát triển.

3. Nội dung, giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

3.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong xây dựng nông thôn mới

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, triển khai quán triệt và thực hiện tốt chương trình xây dựng nông thôn mới. Thường xuyên kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban quản lý cấp huyện, cấp xã và Ban phát triển thôn; xây dựng kế hoạch tổ chức và triển khai thực hiện, kịp thời bổ sung các giải pháp để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội; phát huy vai trò của các tầng lớp Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Hằng năm, tổ chức sơ kết, tổng kết, phát hiện các mô hình làm tốt, cách làm mới có hiệu quả, phổ biến, nhân rộng. Kịp thời khen thưởng, biểu dương đối với các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong xây dựng nông thôn mới.

3.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới

- Tập trung làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về xây dựng nông thôn mới. Đúc kết, nhân rộng các phong trào quần chúng trong xây dựng đời sống văn hóa nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Phát động rộng rãi các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, nội dung đa dạng, hình thức phong phú, tạo sự đồng thuận cao và sức lan tỏa, làm thay đổi nhận thức của người dân cùng chung sức xây dựng nông thôn mới.

- Xác định rõ trách nhiệm và quyền lợi của người dân khi tham gia xây dựng nông thôn mới, tạo sự đồng thuận của người dân trong thực hiện phong trào hiến đất, tài sản để xây dựng hạ tầng, giao thông nông thôn và huy động sự đóng góp của nhân dân để củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới.

3.3. Tập trung phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần người dân nông thôn

- Ưu tiên triển khai công tác lồng ghép tốt các nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn với nguồn vốn thuộc Chương trình nông thôn mới để phát huy hiệu quả đầu tư. Tập trung huy động có hiệu quả nguồn lực từ đầu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất trên địa bàn để lại cho xã đầu tư thực hiện nông thôn mới; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước các cấp cho các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo quy định của tỉnh Bắc Giang. Chủ động cân đối, bố trí lồng ghép, huy động mọi nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ, nội dung xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên hỗ trợ thực hiện các tiêu chí có thể tạo nên sự phát triển đột phá với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Bên cạnh đó, cần tăng cường

hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình theo kế hoạch hằng năm; đảm bảo việc đầu tư hiệu quả, đúng trọng tâm theo lộ trình đã đề ra.

- Tiếp tục khuyến khích và tạo điều kiện tối đa cho người dân và các tổ chức kinh tế vay vốn tín dụng trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định về chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý, giữa các doanh nghiệp và ngân hàng, nhất là trong việc xác định những ngành, hàng cần ưu tiên đầu tư vốn; đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nâng cao chất lượng của công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Thực hiện xã hội hoá đầu tư các công trình cấp nước sạch, chợ nông thôn, công trình thu gom, xử lý rác thải và một số công trình công ích khác, nhất là đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp. Đẩy mạnh thực hiện chính sách thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, liên kết trong sản xuất. Phát huy hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới theo hướng giữ vững và nâng cao các tiêu chí, đặc biệt là về hạ tầng cơ sở.

- Chú trọng phát huy nội lực của cộng đồng dân cư, vận động nhân dân đóng góp sức người, sức của, quyền sử dụng đất ... để góp phần cùng với ngân sách nhà nước thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình. Cần xác định huy động sức dân xây dựng nông thôn mới là hướng đi cơ bản, lâu dài. Chú trọng tuyên truyền vận động để tận dụng sự ủng hộ của những người con xa quê có điều kiện hoặc những người đi xuất khẩu lao động. Tạo mối liên kết “4 nhà” trong phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn: Doanh nghiệp làm “bà đỡ” tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, Nhà nước có chính sách khuyến khích tiêu thụ sản phẩm do nông dân làm ra, nhà khoa học tích cực đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp để có sản phẩm chất lượng cao tiêu thụ được giá trên thị trường.

- Phát huy giá trị các di tích lịch sử, các lễ hội truyền thống gắn với phát triển du lịch nhằm thu hút du khách đến thăm quan, trải nghiệm góp phần phát triển du lịch tâm linh, du lịch cộng đồng tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân trên địa bàn huyện.

3.4. Phát triển công nghiệp, xây dựng

- Đẩy mạnh việc quảng bá, xúc tiến thương mại để thu hút các nguồn lực đầu tư vào công nghiệp, xây dựng. Tập trung hoàn thiện đồng bộ hạ tầng các cụm công nghiệp, tạo điều kiện, hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư vào địa bàn. Xác định công tác giải phóng mặt bằng là nhiệm vụ trọng tâm, tạo tiền đề cho phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và đô thị. Có cơ chế đặc thù phù hợp để huy động nguồn lực cho xây dựng kết cấu hạ tầng và thúc đẩy thu hút đầu tư phát triển trên các lĩnh vực: Dịch vụ vận tải; kho vận tải; trạm dừng nghỉ; thương mại, chợ đầu mối; đô thị,...

Ưu tiên phát triển hệ thống giao thông nội thị và các tuyến giao thông kết nối vùng.

- Đảm bảo an ninh trật tự, giải quyết tốt các vấn đề về an sinh xã hội; các nhu cầu cấp thiết và đòi hỏi đồng bộ với phát triển công nghiệp như: dịch vụ, thương mại; hệ thống giao thông, nước sạch, y tế, giáo dục, môi trường...

3.5. Phát triển thương mại, dịch vụ

- Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới kinh doanh thương mại, các loại hình dịch vụ, bảo đảm lưu thông hàng hoá, từng bước hình thành chợ đầu mối, tiêu thụ nông sản và cung ứng hàng hoá tiêu dùng cho khu vực nông thôn. Tổ chức mô hình quản lý phù hợp, bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả hệ thống chợ. Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống buôn bán, vận chuyển hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng. Khuyến khích thu hút đầu tư phát triển các điểm du lịch như: Suối Mỡ (Nghĩa Phương), Chùa Bình Long (Bát Nhã), Hồ Suối Nứa, Suối nước vàng; phát triển du lịch cộng đồng...

- Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho các Hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh, nhằm trang bị các điều kiện cần thiết để thích ứng và phát triển với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3.6. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất; xây dựng cánh đồng mẫu, áp dụng khoa học - công nghệ và cơ giới hóa vào sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông sản. Quy hoạch và phát triển những vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hàng hóa, nhất là những vùng chuyên trồng lúa, rau màu, vùng nuôi trồng thủy sản; từng bước xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm nông nghiệp như: Rau củ quả, Hoa chất lượng cao, dưa, bưởi, lúa chất lượng,...trên cơ sở đó tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình "Mỗi xã một sản phẩm", nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế phát triển của từng vùng, dần xây dựng được nhiều các sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh, đặc trưng của địa phương, góp phần nâng cao vị thế, chất lượng sản phẩm, kết nối thị trường và tạo được giá trị sản xuất tăng cao.

- Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn; ưu tiên đầu tư cứng hóa và hoàn thiện hệ thống kênh mương nội đồng gắn với nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác hệ thống các công trình thủy lợi.

- Thực hiện hiệu quả cơ chế chính sách về tín dụng ưu đãi phát triển nông nghiệp-nông thôn; thực hiện tốt liên kết "4 nhà"; phát huy tốt các chính sách, tạo điều kiện tối đa để thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Tiếp tục quan tâm phát huy hiệu quả của các HTX bằng việc hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực quản lý, hỗ trợ liên kết, quảng bá sản phẩm, hỗ trợ xây dựng mã vùng, mã vạch cho các sản phẩm nông nghiệp của các HTX, khuyến khích các HTX đầu tư áp dụng công nghệ cao trong sản xuất, hướng đến một nền sản xuất

nông nghiệp sạch, an toàn sinh học và bảo vệ môi trường. Tăng cường quản lý, kiểm tra chất lượng vật tư nông nghiệp, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm hàng nông sản; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông sản, xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, đảm bảo cho người lao động nông thôn có thu nhập tốt, đời sống ổn định. Từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn; thực hiện lồng ghép các chương trình, chính sách về nông nghiệp, nông thôn và giảm nghèo bền vững.

3.7. Sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường

Bảo vệ, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, trước hết là đất đai, nguồn nước. Thực hiện tốt bảo vệ môi trường, tăng cường công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản. Quan tâm đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường trong các cụm công nghiệp đảm bảo theo quy định. Tăng cường kiểm tra, xử lý các cơ sở sản xuất có phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường.

Phát huy hiệu quả vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân nâng cao nhận thức, tham gia bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn đáng sống, sáng - xanh - sạch - đẹp. Duy trì tốt các mô hình tham gia bảo vệ môi trường như tổ dân cư tự quản về môi trường, con đường tự quản của hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên; mô hình hướng dẫn phân loại rác tại hộ gia đình, phong trào phát động của Hội Phụ nữ nói không với túi nilon,..Tích cực vận động nhân dân phân loại, thu gom rác theo quy định, không vứt rác thải ra môi trường. Tiếp tục phát động phong trào trồng cây xanh, trồng hoa dọc theo các tuyến đường, kênh mương, khu dân cư, thường xuyên khơi thông cống rãnh, kênh mương, ao hồ để xây dựng cảnh quan xanh-sạch-đẹp, góp phần giữ gìn môi trường, phòng tránh dịch bệnh.

3.8. Phát triển giáo dục và đào tạo

Thực hiện có hiệu quả chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó chú trọng đổi mới công tác quản lý và xây dựng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Thường xuyên tiến hành kiểm tra, rà soát cơ sở vật chất, trang thiết bị của các trường học để kịp thời đầu tư nâng cấp. Tranh thủ mọi nguồn lực xã hội, tăng cường xã hội hóa giáo dục để đầu tư cơ sở vật chất, chú trọng đầu tư các công trình giáo dục thể chất, sinh hoạt tập thể, trang thiết bị, đồ chơi, nhà vệ sinh, các phòng thực hành, hoạt động của thư viện cho các nhà trường; khuyến khích phát triển nhóm trẻ gia đình, tạo điều kiện cho tư nhân mở các trường tư thục trên địa bàn huyện, nhất là địa bàn khu, cụm công nghiệp. Chú trọng quan tâm xây dựng cảnh quan môi trường giáo dục. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

Tăng cường các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, chú trọng tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao; chủ động phân luồng học sinh sang đào tạo nghề ở bậc THCS và THPT. Hỗ trợ tích cực cho công tác giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động.

3.9. Văn hóa, Thông tin, Thể dục và Thể thao

Tập trung xây dựng con người văn hoá và lối sống, môi trường văn hoá lành mạnh. Nâng cao chất lượng Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*” gắn với xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hoá, trọng tâm là việc cưới, việc tang, văn minh thôn xóm và nơi công cộng.

Huy động các nguồn lực để xây dựng các thiết chế văn hoá; bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch; nâng cao chất lượng hoạt động của các nhà văn hoá; tăng cường xã hội hoá xây dựng hạ tầng văn hoá - thể thao: Sân chơi, bãi tập, các thiết chế văn hóa; nâng cao sức khỏe, đời sống tinh thần cho nhân dân. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý di tích, kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hoá, dịch vụ viễn thông. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá các hoạt động văn hoá - thể thao, quan tâm đầu tư phát triển các môn thể thao mũi nhọn. Củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống đài truyền thanh từ huyện đến cơ sở. Có cơ chế hỗ trợ phát triển các câu lạc bộ thể thao, nhất là đối với những câu lạc bộ và vận động viên thi đấu thành tích cao.

9. Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân

- Bố trí nguồn lực đầu tư y tế, tăng cường xã hội hóa trong lĩnh vực y tế; đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ cho tuyến y tế cơ sở. Nâng cao công tác khám sức khỏe ban đầu, công tác y tế dự phòng. Tăng cường công tác truyền thông về dân số; tuyên truyền, giáo dục về sức khỏe sinh sản, mất cân bằng giới tính cho nhân dân.

- Tích cực triển khai lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật về bảo hiểm y tế nhất là tới các đối tượng thuộc diện tham gia; huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ cho người dân tham gia bảo hiểm y tế, nhất là hộ gia đình cận nghèo; vận động để học sinh, sinh viên, hộ gia đình có mức sống trung bình mua bảo hiểm y tế, góp phần tăng tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế ...

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011 - 2023. UBND huyện Lục Nam kính trình UBND tỉnh Bắc Giang thẩm tra; đề nghị Bộ Nông nghiệp và

PTNT tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Lục Nam đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- VP Điều phối NTM huyện;
- Thành viên BCĐ NTM huyện;
- Phòng NN và PTNT huyện;
- CVP, PCVP HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Nhân